

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca

Lê Ngô Cát & Phạm Đình Toái

I. Thời-kỳ mở nước (Thế-kỷ 29 - thế-kỷ 2 trước TL)

i. Nhà Hồng Bàng (2879-256 trước TL)

1. Mở đầu

Nghìn thu gặp hội thăng-bình,
Sao Khuê sáng vẽ văn minh giữa trời.
Lan-đài dùng bút thành thơ,
Vâng đem quốc-ngữ diễn lời sử xanh.
Nam-giao là cõi ly-minh,
Thiên-thư định phận rành rành từ xưa.
Phé-hưng đổi mấy cuộc cờ,
Thị-phi chép đề đến giờ làm gương.

2. Kinh Dương-vương

Kể từ trời mở viêm-bang,
Sơ đầu có họ Hồng-bàng mới ra.
Cháu đời Viêm-đế thứ ba,
Nổi dòng Hỏa-đức gọi là Đế-minh.
Quan-phong khi giá Nam-hành,
Hay đâu Mai-lĩnh duyên sinh Lam-kiều,
Vụ-tiên vừa thuở đào yêu,
Xe loan nổi gót, tơ điều kết duyên.
Dòng thần sánh với người tiên,
Tinh-anh nhóm lại, thánh hiền nổi ra,
Phong làm quân-trưởng nước ta,
Tên là Lộc-tục, hiệu là Kinh-dương.
Hóa-cơ dựng mối luân-thường.
Động-đình sớm kết với nàng Thần-long.
Bến hoa ứng vẽ lưu-hồng
Sinh con là hiệu Lạc-long trị-vì.

3. Lạc-long-quân và Âu-Cơ

Lạc-long lại sánh Âu-ky.
Trăm trai điếm ứng hùng bi lạ đường.
Noãn-bào dù chuyện hoang-đường,
Ví-xem huyền-điều sinh Thương khác gì?
Đến điều tan-hợp cũng kỳ,
Há vì thủy hỏa sinh-ly như lời,
Chia con sự cũng lạ đời,
Qui sơn, qui hải khác người biệt-ly.
Lạc-long về chốn Nam-thùy,
Âu-cơ sang nẻo Ba-vì Tân-viên.
Chủ-trương chọn một con hiền,
Sửa-sang việc nước nói lên ngôi rồng.

4. Hùng-vương và nước Văn-lang

Hùng-vương đô ở châu Phong,
Ấy nơi Bạch-hạc hợp dòng Thao-giang.
Đặt tên là nước Văn-lang,
Chia mười lăm bộ, bản-chương cũng liền.
Phong-châu, Phúc-lộc, Chu-diên,
Nhận trong địa-chí về miền Sơn-tây;
Định-yên, Hà-nội đổi thay,
Ấy châu Giao-chỉ xưa nay còn truyền.
Tân-hưng là cõi Hưng, Tuyên,
Vũ-ninh tỉnh Bắc, Dương-tuyền tỉnh Đông;
Thái, Cao hai tỉnh hỗn-đồng,
Ấy là Vũ-định tiếp cùng biên-manh;
Hoài-hoan: Nghệ; Cửu-chân: Thanh;
Việt-thường là cõi Trị, Bình trung-châu.
Lạng là Lục-hải thượng-du
Xa khơi Ninh-hải thuộc vào Quảng-yên.
Bình-văn, Cửu-đức còn tên,
Mà trong cương-giới sơn xuyên chưa tường.
Trước sau đều gọi Hùng-vương,
Vua thường nói hiệu, quan thường nói tên.
Lạc-hầu là tướng điều-nguyên,
Vũ là Lạc-tướng giữ quyền quân-cơ;
Đặt quan Bô-chính hữu-tư
Chức-danh một bực, đẳng-uy một loài.

5. Giao-thiệp với Trung-Hoa

Vừa khi phong-khí sơ-khai,
Trinh-nguyên xảy đã gặp đời Đế-Nghiêu.
Bình-dương nhật nguyệt rạng kiêu,
Tấm lòng qui, hoắc cũng đều hướng-dương.
Thân-quy đem tiên Đào-đường,
Bắc Nam từ ấy giao-bang là đầu.
Man-dân ở chốn thượng-lưu,
Lấy nghề chài lưới làm điều trị-sinh.
Thánh-nhân soi xét vật-tình,
Đem loài thủy-quái vẽ mình thổ-nhân.
Từ sau tục mới văn-thân,
Lợi dân đã dấy, hại dân cũng trừ.
Dối truyền một mối xa-thư,
Nước non đầm-ấm, mây mưa thái-bình.
Vừa đời ngang với Chu Thành,
Bốn phương biển lặng, trời thanh một màu.
Thử thăm Trung-quốc thể nào,
Lại đem bạch-trĩ dâng vào Chu-vương.
Ba trùng dịch-lộ chưa tường,
Ban xe tĩ-ngộ chỉ đường Nam-quy.

6. Chuyện Phù-Đổng Thiên-vương

Sáu đời Hùng vận vừa suy,
Vũ-ninh có giặc mới đi cầu tài,
Làng Phù-đổng có một người,
Sinh ra chẳng nói, chẳng cười trơ-trơ.
Những ngờ oan trái bao giờ.
Nào hay thần-tướng đợi chờ phong-vân.
Nghe vua câu tướng ra quân,
Thoắt ngồi, thoắt nói muôn phần khích-ngang.
Lời thưa mẹ, dạ cần vương.
Lấy trung làm hiếu một đường phân-minh.
Sứ về tâu trước thiên-đình,
Gươm vàng, ngựa sắt đề binh tiến vào.
Trận mây theo ngọn cờ đào,
Ra uy sấm sét, nửa chiều giặc tan.
Áo nhung cởi lại Linh-san,
Thoắt đà thoắt nợ trần-hoàn lên tiên.

Miếu-đình còn dầu cố-viên,
Chẳng hay chuyện cũ lưu-truyền có không?

7. Chuyện Sơn-tinh và Thủy-tinh

Lại nghe trong phủ Lạc-Hùng
Mị-châu có ả tư-phong khác thường,
Gần xa nức tiếng cung-trang.
Thừa-long ai kẻ đồng-sàng sánh vai?
Bỗng đâu vừa thấy hai người,
Một Sơn-tinh với một loài Thủy-tinh,
Cầu hôn đều gửi tác thành,
Hùng-vương mới phán sự tình một hai.
Sính nghi ước kịp ngày mai,
Ai mau chân trước, định lời hứa-anh.
Trống lầu vừa mới tan canh,
Kiệu-hoa đã thấy Sơn-tinh chực ngoài.
Ước sao lại cứ như lời,
Xe loan trăm cỗ đưa người nghi-gia.
Cung đàn tiếng địch xa-xa,
Vui về non Tản, oán ra bể Tàn.
Thủy-tinh lỡ bước chậm chân,
Đùng-đùng nổi giận, đem ân làm thù.
Mưa tuôn gió thổi mịt-mù,
Ào-ào rừng nọ, ù-ù núi kia,
Sơn thần hỏa phép cũng ghê,
Lưới giăng dòng Nhị, phen che ngàn Đoài.
Núi cao sông cũng còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen.

8. Chuyện Chử-Đông-tử và Tiên-dung

Bổ-di còn chuyện trích-tiên,
Có người họ Chử ở miền Khoái-châu.
Ra vào nương-nấu hà-châu.
Phong-trần đã trái mấy thâu cùng người.
Tiên-dung gặp buổi đi chơi,
Giỏ đưa Đàng-các, buồm xuôi Nhị-hà,
Chử-đồng ẩn chốn bình-sa
Biết đâu gặp-gỡ lại là túc-duyên.
Thừa-lương nàng mới dừng thuyền,
Vây màn tắm mát kề liền bên sông.
Người thực-nữ, kẻ tiên đồng,
Tình cờ ai biết vợ chồng duyên ưa.
Giận con ra thói mây mưa,
Hùng-vương truyền lệnh thuyền đưa bắt về.

Non sông đã trót lời thề,
Hai người một phút hóa về Bồng-châu,
Đông-an, Dạ-trạch đâu đâu,
Khói hương nghi-ngút truyền sau muôn đời.

9. Hết đời Hồng-Bàng

Bể dâu biến đổi cơ trời,
Mà so Hồng-Lạc lâu dài ai hơn?
Kê vua mười tám đời truyền,
Hai ngàn năm lẻ vũng bèn khôn lay.
Một dòng phụ-đạo xưa nay,
Trước ngang Đường-đế sau tây Noãn-vương

ii. Nhà Thục (258-207 trước TL)

1. Thần Kim quy giúp vua Thục

Thục từ dứt nước Văn-lang
Đổi tên Âu-lạc, mới sang Loa-thành.
Phong-khê là đất Vũ-ninh,
Xây thôi lại lở, công-trình biết bao
Thục-vương thành-ý khẩn cầu,
Bồng đầu giang-sứ hiện vào kim-qui.
Hóa ra thừa nói cũng kỳ,
Lại tường con-cớ bởi vì yêu tinh.
Lại hay phù phép cũng linh,
Vào rừng sát qui, đào thành trừ hung.
Thành xây nửa tháng mà xong.
Thục-vương cảm tạ tấm lòng hiệu-linh.
Lại bàn đến sự chiến-tranh,
Vuốt thiêng để lại tạ-tình quân-vương.
Dặn sau làm máy Linh-quang,
Chế ra thần-nỏ, dự phòng việc quân.

2. Trung quốc đánh Âu-Lạc

Bấy giờ gặp hội cường-Tân,
Tầm ăn lá Bắc, toan lần càn Nam.
Châu-cơ muốn nặng túi tham,
Đồ-Thư, Sử-Lộc sai làm hai chi.
Lĩnh-nam mây chôn biên-thùy,
Quế-lâm, Tượng-quận thu về bản-chương.
Đặt ra úy, lệnh rõ-ràng,

Họ Nhâm, họ Triệu sai sang giữ-gìn.
Hai người thống-thuộc đã quen,
Long-xuyên, Nam-hải đôi bên lán dân.
Chia nhau thủy bộ hai quân,
Tiên-du ruổi ngựa, Đông-tân đổ thuyền.
Thục-vương có nỏ thần truyền,
Muôn quân buông một lượt tên còn gì?
Nhâm Hiêu mắc bệnh trở về,
Triệu Đà lại khiến sứ đi xin hòa.
Bình giang rạch nửa sơn-hà
Bắc là Triệu-úy. Nam là Thục-vương.

3. Trọng Thủy và Mị-Châu

Mặt ngoài hai nước phân cương,
Mà trong Triệu là mượn đường thông-gia,
Nghĩ rằng: Nam Bắc một nhà;
Nào hay hôn cầu lại ra khẩu thù.
Thục cơ tên gọi Mị-Châu
Gả cho Trọng-Thủy, con đầu Triệu-vương.
Trăm năm đã tạc đá vàng,
Ai ngờ thế-tử ra đàng phụ ân.
Tóc tơ tổ hết xa gân.
Thừa cơ đem máy nỏ thần đổi đi,
Tinh-thân giả tiếng Bắc-qui.
Đình-ninh dận hết mọi bề thủy-chung
Rằng: ” Khi đôi nước tranh-hùng, ”
” Kẻ Tần người Việt tương phùng đâu đây? ”
” Trùng-lai dù họa có ngày, ”
” Nga-mao xin nhận đầu này thấy nhau ”
Cạn lời, thẳng ruổi vó câu,
Quân bao liễu oán, hoa sầu nẻo xa.

4. Triệu-Đà diệt Thục

Giáp binh sắp sẵn từ nhà,
Về cùng Triệu úy, kéo ra ải Tần,
An dương cậy có nỏ thần.
Vi-kỳ còn hãy ham phần vui chơi,
Triệu quân ruổi đến tận nơi.
Máy thiêng đã mất, thế người cũng suy.
Vội vàng đến lúc lưu-li,
Còn đem ái-nữ đề-huê sau yên
Nga mao vẫn cứ lời nguyên,
Để cho quân Triệu theo liền bông tinh.
Kim-qui đâu lại hiện linh;

Mới hay giấc ở bên mình không xa,
Bây giờ Thục-chúa tỉnh ra,
Dứt tình, phó lưới Thái-a cho nàng,
Bê Nam đến bước cùng đường,
Văn-tê theo ngọn suối vàng cho xuôi.
Tỉnh ra nước Thục một đời,
Ở ngôi vừa được năm mươi năm tròn.
Nghe thần rồi lại tin con;
Cơ-muru chẳng nhiệm, thôi còn trách ai?

iii. Nhà Triệu (207-111 trước TL)

1. Triệu Vũ vương thần phục nhà Hán

Triệu Vương thay nổi ngôi trời,
Định đô cứ-hiêm đóng ngoài Phiên-ngu .
Loạn Tần gặp lúc Ngu-Hồ ,
Trời nam riêng mở dư-đồ một phương.
Rồng Lư bay cõi Phiếm-dương ,
Mới sai Lục-Giả đem sang ấn phù .
Cõi nam lại cứ phong cho,
Biên thù gìn giữ cơ đồ vững an.
Gặp khi gà Lữ gáy càn ,
Chia đôi Hán, Việt lại toan sinh lòng.
Vì ai cấm chợ ngăn sông,
Để cho dứt nẻo quan thông đôi nhà.
Thân chinh hồi tội Trảng-sa
Mân, Âu muôn dặm mở ra một lần.
Hán Văn lấy đức mục lân,
Sắc sai Lục-giả cựu thần lại sang.
Tỉ thư một bức chiếu vàng,
Ngỏ điều ân ý, kể đường thủy chung.
Triệu vương nghe cũng bằng lòng,
Mới dâng tạ biểu một phong vào châu.
Ngoài tuy giữ lễ chư-hầu,
Trong theo hiệu đế làm đầu nước ta.
Trăm hai mươi tuổi mới già,
Tính năm ngự vị kể già bảy mươi.

2. Triệu-Văn-vương và Triệu-Minh-vương

Văn-vương vừa nổi nghiệp đời,
Lửa binh đâu lại động ngoài biên-cương.
Phong thư tâu với Hán-hoàng,
Nghĩa-thanh sớm đã giục đường cất quân.
Vương-Khôi vâng lệnh tướng-thần,
Ái-lang quét sạch bụi trần một phương.
Hán-đình có chiếu ban sang,
Sai con Triệu lại theo đường cống-nghi.
Xe rồng phút bỗng mây che,
Minh-vương ở Hán lại về nổi ngôi.
Bọm già bỗng rắm họa-thai,
Vợ là Cù-thị vốn người Hàm-đan
Khuyh-thành quen thói hồng-nhan,
Đã chuyên sủng-ái lại toan tranh-hành.
Dâng thư xin với Hán-đình,
Lập con thế-tử, phong mình cung-phi.

3. Cù-thị xin nhập Hán

Ai-vương thơ-ấu nổi vì,
Mẹ là cù-hậu, nhiều bề riêng tây.
Cầu phong đã rắp những ngày,
Ngoài thông Bắc-sứ trong gầy lệ-giai.
Khéo đâu dắc-dú lạ đời,
Sứ là Thiệu-Quý vẫn người tình-nhân.
Hoa tàn lại bén hơi xuân,
Giao-hoan đôi mặt, hòa-thân một lòng.
Nghĩ rằng: về Hán là xong,
Tình riêng phải mượn phép công mới già.
Làm thư gửi sứ đưa qua;
Mẹ con đã sắm sửa ra sang châu.

4. Lữ-Gia phá mưu Cù-Thị

Lữ-Gia là tướng ở đầu.
Dem lời can gián bầy mưu xa gần.
Một hai ngăn đón hành-trần:
” Để cho Triệu-bích về Tần sao nên.”
Nàng Cù đã quyết một bên.
Lại toan mượn lấy sứ-quyền ra tay.
Tiệc vui chén cúc giờ say,
Mắt đưa cao thấp, giáo lay dùm-dăng.

Đang khi hoan-yến nửa chừng,
Lữ-Gia biết ý ngập-ngừng bước ra.
Chia quân cấm-lữ về nhà,
Tiềm-muru mới họp năm ba đại-thần.
Đôi bên hiểm-khích thêm phần
Mụ Cù yếu sức, sứ-thần non gan.

5. Hán đánh Nam-Việt

Vũ-thư đạt đến Nam-quan,
Hán sai binh-mã hai ngàn kéo sang
Lữ-Gia truyền hịch bốn phương:
Nổi Hưng thơ đại, nổi nằng dâm-ô;
Tình riêng chim Việt ngựa Hồ,
Chuyên vắn báu ngọc các đồ sạch không.
Rắp toan bán nước làm công.
Quên ơn thừa trước, không lòng mai sau.
Cũng tuồng Lữ-Trĩ khác đâu,
Chòi non chẳng bẻ, rễ sâu khó đào.
Quan-binh một trận đổ vào,
Lửa nào tiếc ngọc, nắng nào tiếc hoa.

6. Nhà Triệu mất

Vệ-Dương lên nói nghiệp nhà,
Trong là quốc nạn, ngoài là địch-nhân.
Hai nghìn giết sạch Hán-quân,
Đem cờ sứ-tiết để gần ải-quan.
Tạ-từ giả tiếng nói van,
Mấy nơi yếu-hại sai quan đề-phòng,
Bỗng đâu Hán lại tiếp sang,
Một kỳ tịnh-tiến, năm đường giáp-công.
Trong thành một ngọn lửa thông,
Chiêu-hàng ngoài mạc, hội-đồng các dinh.
Chạy ra lại gặp truy binh,
Vệ-vương, Lữ-tướng buộc mình cửa hiên.
Kể từ Triệu-lịch kỷ-niên,
Năm ngoài chín chục, ngôi truyền năm vua.
Trách ai gây việc tranh đua,
Vấn đải vận nước, được thua cơ trời.

II. Thời-kỳ chống Bắc thuộc (Thế-kỷ 2 trước TL - thế-kỷ 10 sau TL)

iv. Nhà Hán và Hai bà Trưng (111 trước TL - 43 sau TL)

1. Chính sách nhà Tây Hán

Giao-Châu mới thuộc nước người,
Ấy về Tây-Hán là đời Nguyên-phong .
Bản-đồ vào sách hôn-đồng,
Đất chia chín quận , quan phong thú thần .
Đầu sai Thạch-Đái trị dân,
Cầm quyền tiết-việt giữ phân phong cương.
Tuần-tuyên mới có Tích Quang,
Dạy dân lễ-nghiã theo đường hoa phong .
Nhâm-Diên khuyên việc canh nông,
Đổi nghề ngư-liệp về trong khuê-điền .
Sính nghi lại giúp bổng tiền,
Khiến người bản-khổ thỏa nguyện thất-gia.
Văn-phong nhứt dấy gần xa,
Tự hai hiền-thú ấy là khai-tiên.
Luân hồi trăm có dư niên,
Trải qua Đông Hán thừa-tuyên mấy người.

2. Hai bà Trưng dựng nền Độc-lập

Đường-ca lâu đã vắng lời,
Đến như Tô-Định là người chí hung.

Bà Trưng quê ở châu Phong,
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyện,
Phất cờ nương-tử thay quyền tướng quân.
Ngàn Tây nổi áng phong-trần,
Àm àm binh mã xuống gần Long-biên.
Hồng-quân nhẹ bước chinh-yên,
Đuổi ngay Tô-Định dẹp tan biên-thành.
Đô-kỳ đóng cõi Mê-Linh,
Lĩnh-nam riêng một triều-đình nước ta.
Ba thu gánh vác sơn-hà,
Một là báo-phục, hai là bá vương.
Uy-thanh động đến Bắc-phương.
Hán sai Mã-Viện lên đường tiến-công.
Hồ Tây đưa sức vẫy vùng,

Nữ nhi chồng với anh hùng được nao?
Cám-Khê đến lúc hiểm-nghèo,
Chị em thất thế cũng liều với sông.
Phục-Ba mới dựng cột đồng,
Ai-quan truyền dấu biên-công cõi ngoài.
Trung vương vắng mặt còn ai?
Đi về thay đổi mặc người Hán-quan

v. Giao Châu trong thời Bắc thuộc (43 - 544)

1. Chính sách nhà Đông Hán

Trải Minh, Chương đến Hiều, An ,
Tuần-lương đã ít, tham-tàn thiếu đầu.
Mới từ Thuận-đế về sau,
Đặt quan thứ-sứ thuộc vào chức phương .
Kìa như Phàn-Diễn, Giả-Xương,
Chu-Ngu, Lưu-Tảo dung thường kể chi.
Trương-Kiều thành tín phủ-tuy ,
Chúc-Lương uy đức, man di cũng gần.
Hạ-Phương ân-trạch ngấm nhuần,
Một châu tiết-việt hai lần thừa tuyên.

2. Lý-Tiến, Lý-Cầm làm quan nhà Hán

Tuần-lương lại có Mạnh-Kiên,
Khúc ca Giả-phủ vang miền trung-châu.
Ba năm thẳng trạc về châu,
Thổ quan Lý-Tiến mới đầu Nam-nhân.
Sở kêu:” Ai chẳng vương-thần,
Sĩ-đồ chi để xa gần khác nhau?”
Tình-từ động đến thần-lưu,
Chiếu cho công-sĩ bỏ châu huyện ngoài.
Lý-Cầm châu-chức điện-đài,
Nhân khi Nguyên-đán kêu lời xa-xôi.
Rằng:” Sao phủ-tái hẹp-hòi?
Gió mưa để một cõi ngoài < a href=” #20” >Viêm-phương ” .
Tám-thành cũng thấu quân-vương,
Trung-châu lại mới bỏ sang hai người.
Nước Nam mấy kẻ nhân-tài,
Mới cùng người Hán chen vai từ rày.

3. Họ Sĩ tự-chủ

Lửa lò Viêm-Hán gần bay,
Thế chia chân vạc, nào hay cơ trời.
Tranh nhau ba nước ba nơi,
Cầm quyền sinh-sát mặc người phong-cương.
Nho-lưu lại có Sĩ-vương,
Khơi nguồn Thù-Tứ , mở đường lễ-văn.
Phong-tiêu rất mực thú-thần,
Sánh vai Đậu-Mục, chen chân Triệu-Đà.
Sĩ-Huy nổi giữ tước nhà,
Dứt đường thông-hiếu, gây ra cừ-thù.
Cửa hiên phút bỗng hệ-tù,
Tiết-mao lại thuộc về Ngô từ rày.

4. Bà Triệu-Âu đánh Ngô

Bình qua trái bấy nhiêu ngày,
Mới sai Lục-Dận sang thay phiên-thần.
Anh-hùng chán mặt phong trần,
Nữ-nhi lại cũng có lân cung-đao.
Cửu-chân có ả Triệu-kiêu,
Vú dài ba thước tài cao muôn người.
Gặp cơn thảo-muội cơ trời,
Đem thân bò-liều theo loài bông tang.
Đầu voi phất ngọn cờ vàng,
Sơn-thôn mấy cõi chiến-trường xông-pha.
Chông gai một cuộc quan-hà ,
Dù khi chiến-tử còn là hiền-linh.

5. Ngô Tấn tranh nhau Giao-Châu

Từ giờ Ngô lại tung hoành,
Đặt làm Giao, Quảng hai thành mới phân.
Tôn-Tur rồi lại Đặng-Tuân,
Lữ-Hung, Dương-Tắc mấy lần đổi thay.
Đổng-Nguyên, Lưu-Tuấn đưa tay,
Kẻ Ngô, người Tấn những ngày phân-tranh.
Đào-Hoàng nổi dựng sứ-tinh,
Tân-xương, Cửu-đức, Vũ-bình lại chia.
Mười năm chuyên mặt phiên-ly,
Uy gia bốn cõi, ân thù một châu.
Khi đi, dân đã nguyện-lưu ,
Khi già, thương khóc khác nào từ-thân.

6. Chính-sách nhà Tấn

Ngô-công nổi dẫu phương-trần ,
Hai mươi năm lẻ nhân-tuần cũng yên.
Dân tình cảm-kết đã bền,
Tước nhà Cố-Bật lại truyền Cố-Tham.
Dân tình khi đã chẳng kham,
Dẫu là Cố-Thọ muốn làm ai nghe.
Quận-phủ lại thuộc Đào-Uy,
Rời ra Đào-Thục, Đào-Tuy kế truyền.
Bốn đời tiết-việt cảm quyền,
Phiên-binh muôn dặm, trung hiền một môn.
Tham tàn những lũ Vương-Ôn,
Binh qua nổi gót, nước non nhuộm trần.
Tấn sai đô-độc tướng-quân,
Sĩ-Hành là kẻ danh thần chức cao.
Dẹp yên rồi lại về trào,
Uy-danh nào kém họ Đào thuở xưa.
Nguyễn-Phu tài trí có thừa,
Phá năm mươi lũy tảo-trừ giặc Man.

7. Họ Đỗ ba đời làm thứ-sử

Châu-diên lại có thổ-quan,
Đỗ-công tên Viện dẹp đoàn Cửu-chân.
Tướng-môn nổi chức phiên thân,
Con là Tuệ-Độ thêm phần uy-danh.
Bồng riêng tán-cấp cùng-manh,
Cơm rau áo vải như hình kẻ quê.
Dâm-từ cấm thói ngu-mê,
Dựng nhà học-hiệu giảng bề minh-luân.
Ân-uy ra khắp xa gần,
Cửa thành đêm mở, gió xuân một trời.
Hoàng-Văn phủ-ngữ cũng tài,
Một nhà kế-tập ba đời tuấn-lương.

8. Giao-châu loạn

Đến triều Lưu-Tổng hưng vương,
Hòa-Chi, Nguyễn-Cán sai sang hội đồng.
Đuổi Dương-Mai, giết Phù-Long,
Khải ca một khúc tấu công về trào.
Gió thu cuốn bức chinh-bào,
Y-thường một gánh, qui-thiều nhẹ không.
Từ khi vắng kẻ chiết-xung,

Tràng-Nhân, Lư-Mục tranh hùng mấy phen.
Pháp-Thừa cũng chức tuần-tuyên,
Những chăm việc sách để quyền lại-ty.
Dưới màn có Phục-đăng-Chi,
Cướp quyền châu-mục, lộng uy triều-đình.
Tề suy, Nguyên-Khải tung hoành,
Hùng-phiên chiếm giữ cô-thành một phương.
Bắc triều đã thuộc về Lương,
Lại sai Lý Thốc chiêu hàng nẻo xa.
Giao-châu một giải sơn-hà,
Ái-Châu lại mới đặt ra từ rày.

vi. Nhà Tiền Lý (544 - 603)

1. Lý-Nam-Đế dựng nền độc-lập

Kể từ Ngô, Tấn lại đây,
Hai trăm mười bốn năm chầy cát-phân.
Cỏ cây chan chứa bụi trần,
Thái-bình mới có Lý-Phản hưng vương.
Vốn xưa nhập-sĩ nước Lương,
Binh-qua gặp lúc phân nhưng lại về.
Cứu dân đã quyết lời thề,
Vấn-thần, vũ-tướng ứng kỳ đều ra,
Tiêu-Tư nghe gió chạy xa,
Đông tây muôn dặm quan-hà quét thanh.
Vạn Xuân mới đặt quốc danh,
Cải nguyên Thiên-đức, đô-thành Long-biên.
Lịch-đồ vừa mới kỷ-niên,
Hưng vương khí-tượng cũng nên một đời.
Quân Lương đâu đã đến ngoài,
Bá-Tiên là tướng đeo bài chuyên chinh.
Cùng nhau mấy trận giao binh,
Thất cơ Tô-Lịch, Gia-ninh đôi-đường.
Thu quân vào ở Tân-xương,
Để cho Quang-Phục chống Lương mặt ngoài.
Mới hay ” nhật phụ mộc lai,”
Sấm-văn trước đã an-bài những khi.

2. Triệu-Quang-Phục phá Lương

Bấy giờ Triệu mới thừa ky ,
Cứ đầm Dạ-trạch, liệu bề tấn-công.
Lý-vương phút trở xe rông ,
Triệu-Quang-Phục mới chuyên lòng kinh-doanh.
Hương nguyên trời cũng chứng-minh,
Rông vàng trao vuốt giắt vành đầu mâu.
Từ khi long chảo đội đầu,
Hồ hùng thêm mạnh, quân nào dám đương.
Bá-Tiên đã trở về Lương,
Dương-Sấn còn ở chiến-trường tranh-đua.
Một cơn gió bẻ chồi khô ,
Ái-lang dứt dấu ngựa Hồ vào ra,
Bốn phương phẳng-lặng can qua ,
Theo nền-nếp cũ, lại ra Long-thành.

3. Lý-Phật-Tử đánh Triệu-quang-Phục

Lý xưa còn có một cành,
Tên là Thiên-Bảo nấu mình Ai-Lao.
Chiêu binh lên ở Động-đào,
Họ là Phật-Tử cũng vào hội-minh .
Đào-lang lại đổi quốc danh,
Cũng toan thu-phục cự kinh của nhà.
Cành dâu mây tỏa bóng tà ,
Bấy giờ Phật-Tử mới ra nổi giồng,
Rừng xanh gió phát cờ hồng,
Đề binh kéo xuống bến sông tung hoành.
Triệu vương giáp trận Thái-bình,
Lý thua rồi mới thu binh xin hoà.
Triệu về Long-đổ Nhị-hà,
Lý về Hạ-mỗ, ấy là Ô-diên .
Hai nhà lại kết nhân-duyên,
Nhã-lang sánh với gái hiền Cảo-nương.
Có người: Hồng, Hát họ Trương,
Vũ-biễn nhưng cũng biết đường cơ-mưu.
Rằng:” Xưa Trọng-Thủy, My-Châu,
Hôn-nhân là giả, khẩu thù là chân.
Mảnh gương vãng-sự còn gần,
Lại toan đắc mối Châu-Trần sao nên?”
Trăng già sao nở xe duyên?
Để cho Hậu-Lý gây nền nội-công.
Tình con rể, nghĩa vợ chồng,

Tin nhau ai biết ra lòng lừa nhau.
Lâu-la mới ngộ tình-đâu,
Nhã-lang trộm lấy đầu-mâu đôi liền.
Trở về giả chước vẫn-yên,
Giáp-binh đầu đã băng miền kéo sang.
Triệu vương đến bước vội-vàng,
Tình riêng còn chữa dứt đường cho qua.
Đem con chạy đến Đai-nha,
Than thân bách chiến phải ra đường cùng!

4. Lý-Phật-Tử hàng Tùy

Từ nay Phật-Tử xung hùng,
Hiệu là Nam-đế nối dòng Lý-vương.
Phong-châu mới mở triều-đường .
Ô-diên, Long-đỗ giữ-giàng hai kinh.
Tùy sai đại-tướng tổng binh,
Luu-Phương là chức quản-hành Giao-châu.
Đô-long một trận giáp nhau,
Xin hàng Lý phải sang châu Tấn-dương.
Từ giờ lại thuộc Bắc phương,
Mấy năm Tùy loạn rồi Đường mới ra.

vii. Nền đô-hộ của nhà Đường (603 - 905)

1. An-nam đô-hộ-phủ

Quan Tùy lại có Khâu-Hòa,
Đem dâng đồ-tịch nước ta về Đường.
An-nam mới lại canh-trương,
Đặt Đô-hộ phủ theo đường Trung-Hoa.
Mười hai châu lại chia ra:
Giao, Phong, Lục, Ái, Chi, Nga, Diễn, Tràng.
Vũ-an, Phúc-Lộ, Hoan, Thang,
Cơ-mi các bộ man hoang ở ngoài.

2. Mai-Thúc-Loan khởi-nghĩa

Quan Đường lắm kẻ tham tài,
Binh dân hàm oán, trong ngoài hợp mưu.
Mai-Thúc-Loan ở Hoan-Châu,
Quân ba mươi vạn ruổi vào ải xa.
Hiệu cờ Hắc-đế mở ra,
Cũng toan quét sạch sơn-hà một phương.
Đường sai Tư-Húc tiếp sang,

Hợp cùng Sở-Khách hai đàng giáp-công.
Vận đời còn chữa hanh thông.
Nước non để giận anh hùng nghìn thu.

3. Giặc Đồ-Bà

Trần-nam lại đổi tên châu,
Một đời canh-cải trước sau mấy kỳ.
Xa khơi ngoài chốn biên thù,
Đồ-bà giặc mọi đua bề phân-tranh.
Bá-Nghi hợp với Chính-Bình,
Đẹp đoàn tiêu-khẩu, xây thành Đại-La.

4. Phùng-Hung khởi nghĩa

Xiết bao phú trọng, chính hà,
Sinh dân sâu khổ ai là xót chẳng?
Đường-lâm mới có Phùng-Hung,
Đã tài kiêu-dũng, lại lưng phú-hào.
Cối Tây nổi việc cung đao,
Đô-quân tôn hiệu, Tản-Thao hiệp tình.
Dem quân thẳng đến vây thành,
Đại-La thế bức, Chính-Bình hồn tiêu.
Nhân phủ-trị mở ngôi triều,
Phong-châu một giải nhiếp-điều mấy niên.
Đế-hương phút trở xe biên,
Đại vương Bô-Cái tiếng truyền muôn thu.
Phùng-An con nổi thơ ngu,
Nghe quan nhu-viễn bày mưu hàng Đường.

5. Chuyện Lý-Ông-Trọng

Kê từ đô-hộ Triệu-Xương,
Thành La xây lại vững vàng hơn xưa.
Thuyền chơi qua bến sông Từ,
Giác nông đâu bỗng tỉnh cờ lạ sao.
Thấy người hai trượng dài cao,
Bàn kinh, giảng truyện khác nào văn-nhân.
Cùng nhau như gửi tâm thân,
Tỉnh ra mới rõ nguyên căn tổ tông.
Lý-Ông-Trọng ở Thụy-hương,
Người đời vua Thục mà sang thi Tần.
Hiếu-liêm nhẹ bước thanh-vân,
Làm quan hiệu-úy đem quân ngữ Hồ .
Uy-danh đã khiếp Hung-nô,
Người về Nam quốc, hình-đồ Bắc phương.

Hàm-dương đúc tượng người vàng,
Uy-thừa còn giúp Tần-hoàng phục xa.
Hương thơm cổ miếu tà tà,
Từ nay tu-lý mới là phong-quang.

6. Quan-lại nhà Đường

Triệu công tuổi tác về Đường,
Quý-Nguyên, Bùi-Thái tranh quyền với nhau.
Triều-đình kén kẻ trị-châu,
Triệu công vâng mệnh xe thiêu, lại sang.
Bản-kiều vừa nhận dấu sương,
Bến hồng đã định, khói lang cũng tàn.
Trương-Đan thay chức phiên-hàn,
Tập nghề thủy-chiến, tạo thuyền đồng-mông.
Đại-la mới đắp lũy vòng,
Ái, Hoan thành cũ đều cùng tái-tu.
Quan tham ai chẳng oán thù,
Kìa như Tượng-Cổ sư-đồ bạn-ly.
Quan hiền ai chẳng úy uy,
Kìa như Mã-Tổng man-di đầu hàng.
Nguyên-Gia đời phủ Tô-giang,
Đến năm Báo-lịch đời sang Tống binh.
Giao-châu binh mã tung-hoành,
Thăng-Triều đã dẹp, Dương-Thanh lại nồng.
Kìa ai tôn-trở chiết-xung,
Mã-công tên Thực anh hùng kém chi.
Tiết-thanh cảm vật mới kỳ,
Dưới dòng Hợp-phố châu đi cũng về.
Kiềm-châu xa ruổi mã-đê,
Hồng bay còn dấu tuyết-nê chưa mòn.
Nhưng quan lại gặp Vũ-Hồn,
Thành-lâu lửa cháy, dinh đồn quân reo.
Đoàn công vâng mệnh Đường triều.
Trước xe phủ dụ, giặc nào chẳng tan.
Thôi trung thổ, lại ngoại man,
Châu-Nhai, Nguyên-Hựu sai quan mấy lần.
Nho môn có kẻ tướng thần,
Họ Vương tên Thức kinh-luân gồm tài.
Thành môn nghiêm nghị trong ngoài,
Trồng cây trúc mộc, tập bài cung đao.
Châu dân đều thấm ân cao,
Chiêm-thành, Chân-lạp cũng vào hiệu cung.

7. Giặc Nam-Chiếu

Xe thiều vừa trở về Đông,
Giặc Man thừa khích ruổi giông cõi ngoài.
Vương-Khoan, Lý-Hộ phi tài,
Đường sai Thái-Lập lĩnh bài Giao-Châu.
Biên thư mấy bức về tâu,
Kẻ xin lưu-thú, người cầu bãi binh.
Ghen công vi hoặc, Thái-Kinh,
Thờ ơ để việc biên tình mặc ai.
Tiếc thay muôn dặm thành dài,
Cô quân nên nổi thiết tài chiết xung.
Ngu-Hầu tiếp chiến bên sông,
Quyết liều một trận đều cùng quyên sinh.
Vua Đường tuyên chỉ triệt binh,
Bỏ hàm Đô-hộ, đặt hành Giao-Châu.
Trấn, đồn, cửa bể, đâu đâu,
Tống-Nhung, Thừa-Huân hợp nhau một đường.
Dùng dăng nào dám tiến sang,
Tám ngàn quân bỏ cương trảng sạch không.
Đổi tâu lại muôn cầu công,
Rời ra sự phát đều cùng nghị lưu.

8. Cao-Biên dẹp Nam-Chiếu

Cao-Biên là tướng lạc điều,
Tài danh sớm đã dự vào giản-tri.
Quân phù vâng lệnh chỉ-huy,
Tiếp-thư sai một tiểu-ty về châu.
Gia quan cho lĩnh tiết mao,
Đặt quân Tĩnh-hải biên vào bản chương.
Một châu hùng cứ xung vương,
Thành La rộng mở, kim thang vững bền.
Tuần hành trải khắp sơn xuyên,
Đào Thiên-uy cảng, thông thuyền vãng lai.
Chín năm khép mở ra tài,
Thành trì truyền dấu, miếu đài ghi công.
Rồi khi trở ngựa Hán trung,
Cao-Tâm là cháu nối dòng xung phiên.
Họ Tăng, tên Côn cũng hiền,
Giao-Châu di-ký còn truyền một chương.

III. Thời-kỳ xây-dựng Độc-lập và thống-nhất (Thế-kỷ thứ 10)

viii. Nhà Ngô (906 - 967)

1. Họ Khúc đẩy nghiệp

Ba trăm năm lẻ Tùy, Đường,
Lại trong Ngũ-quý tang thương cũng dài,
Hồng-châu Khúc-Hạo hùng tài,
Gặp đời thúc-quý toan bài bá vương.
Cõi nhà hùng cứ nam phương,
Cung-câu một lễ, Hán Lương hai lòng.
Qui mô cũng rập hỗn đồng,
Điền tô, đình ngạch đều cùng định nên.
Thừa gia vừa được tái truyền,
Bồi cầu Lương tiết hóa nên Hán tù.
Dương-Đình-Nghệ lại báo thù,
Đuổi người Hán, lĩnh châu-phù vừa xong.
Nghĩa nhi gặp đũa gian hùng,
Kiều-công-Tiện lại nở lòng sao nên.

2. Ngô-Quyền phá quân Nam-Hán

Dương công xưa có rể hiền,
Đường lâm hào-hữu tên Quyền họ Ngô.
Vi thầy, quyết chí phục thù,
Nghĩa binh từ cõi Ái-châu kéo vào.
Hán sai thái-tử Hoảng-Thao,
Đem quân ứng viện toan vào giúp công.
Bạch-Đằng một trận giao-phong,
Hoảng-Thao lạc vía, Kiều-công nộp đầu.
Quân thân đã chính cương-trù,
Giang-son rầy có vương hầu chủ-trương.
Về Loa thành mới đăng quang,
Quan-danh cải-định, triều-chương đặt bày.

3. Dương-Tam-Kha tiếm ngôi

Nền vương vừa mới dựng xây,
Tiếc cho hưởng nước chưa đầy sáu năm.
Đến cơn loạn mệnh nên nhảm,
Cán Long-tuyên để trao cầm tay ai?
Tam-Kha là đũa gian-hồi,

Lấy bè thích-ly chịu lời thác cô.
Cành dương đẽ lán chồi ngô,
Bình-vương tiếm hiệu , quốc-đô tranh quyền.

4. Nhà Ngô phục hưng

Ngô vương vốn có con hiền,
Trưởng là Xương-Ngập nổi truyền thế-gia.
Trà-hương lánh dấu yên-hà,
Hộ-tri lại gặp tôi là Phạm-công.
Xương-Văn em thứ con dòng,
Nương mình phú-duỡng , cam lòng kinh-doanh.
Nhân khi ra đánh Thái-bình ,
Vén tay tả-đần , về thành tập-công.
Khoan hình rồi lại giáng-phong,
Tư tình, công-nghĩa thủy chung lưỡng tuyền.
Yên vui lại nhớ anh hiền,
Rước tìm Xương-Ngập chung quyền quốc-gia.
Chi-lan xum họp một nhà,
Anh xưng Thiên-Sách, em là Tấn-Vương.
Cùng nhau đều hưởng giàu sang,
Dù khi chéch-lệch biên-tường cũng nguôi.
Bốn năm Thiên-Sách vừa rồi,
Tấn-Vương rầy mới chuyên ngôi một mình.
Sính tài lại hiểu việc binh ,
Thao-giang đã tĩnh, Thái-bình lại vẫy.
Trận tiền một mũi tên bay,
Khinh thân vàng ngọc, trách này bởi ai?
Tiếc thay chữa được lâu dài,
Mười lăm năm mới hai đời đến đây.

ix. Nhà Đinh và nhà Tiền Lê (967 - 1009)

1. Thập-nhị sứ-quân

Nghiệp Ngô rầy có ai thay?
Đua nhau lại, phó mặc tay quân-hùng.
Tiên-du riêng một đề-phong,
Nguyễn-Công Thủ-Tiếp cứ vùng Nguyệt-Thiên
Đường-lâm riêng một sơn-xuyên,
Ngô-Công Nhật-Khánh cứ miền Tản-Thao.
Tây-phù-liệt có Nguyễn-Siêu,
Ngô-Xương-Xí giữ Bình-kiều một phương.
Tế-giang này có Lữ-Đường,
Nguyễn-Khoan hùng cứ Vĩnh-tường phải chăng?

Phạm-Phòng-Át giữ châu Đàng,
Kiều-Tam-Chế giữ ngàn rùng châu Phong.
Đỗ-Giang kia Đỗ-Cảnh-Công;
Kiều-công tên Thuận ở trong Hôi-hồ .
Kiến ong Siêu-loại tranh đua,
Lý-Khuê một cõi tri-khu đầu lòng.
Kình-nghê Bô-hải vẫy-vùng,
Trần-công tên Lãm xung hùng một nơi.
Phân-tranh hội ấy nực cười!
Mười hai quan sứ mỗi người mỗi phương.

2. Đinh-Bộ-Lĩnh hợp nhất quốc-gia

Xây vắn trong cuộc tang-thương,
Trải bao phân-loạn mới sang trị-bình.
Có ông Bộ-Lĩnh họ Đinh,
Con quan thử-sử ở thành Hoa-lư.
Khác thường từ thuở còn thơ,
Rủ đoàn mục-thụ mở cờ bông lau.
Dập-diu kẻ trước người sau,
Trần-ai đã thấy vương-hầu uy-dung.
Một mai về với Trần-công,
Hiệu xưng Vạn-thắng, anh-hùng ai qua.
Bốn phương thu lại một nhà,
Mười hai sứ-tướng đều là quét thanh.

3. Chính sách nhà Đinh

Trường-yên đầu dựng đô-thành.
Cải-nguyên là hiệu Thái-bình từ đây.
Ngìn năm cơ-tự mới xây,
Lên ngôi hoàng-đế đặt bày trăm quan.
Có đường-bệ có y-quan,
Đặng-uy có biệt, giai-ban có thường.
Tổng phong giao-chỉ quận-vương,
Cha con đều chịu súng-chương một ngày.
Hồng-Bàng đề mới đến nay,
Kể trong chính-thống từ đây là đầu.
Tiếc không học-vấn công-phu,
Chuyện xưa ít biết, lo sau vụng đường.
Già-tăng cũng dự quan sang,
Bạc, Điền, Cơ, Tú đều phường vũ-nhân.
Nội-đình năm vị nữ-quân ,
Nặng tình kiêm-ái , quên phần di-mưu.
Đã phong Đinh-Liễn con đầu,
Hạng-Lang là thứ nhẽ nào đổi thay?

Pháp-hình cũng lạ xưa nay,
Hùm nuôi trong cũi, vạc bày ngoài sân.

4. Nhà Đinh mất ngôi

Chơi bời gần lũ tiểu-nhân,
Rượu hoa ngọt giọng, đèn xuân mê lòng.
Trùng-môn thừa hờ đề phòng,
Để cho Đỗ-Thích gian-hùng nở tay.
Nói sau Thiếu-đế thơ ngây,
Lê-Hoàn tiếp-chính từ rầy dọc ngang.
Tiếm-xung là Phó-quốc-vương,
Ra vào cùng ả họ Dương chung-tình.
Bạc, Điền vì nước liêu minh,
Trách sao Cự-Lạng tán-thành mưu-gian

5. Lê-Hoàn phá quân Tống

Chợt nghe binh báo Nam-quan,
Cùng nhau phò-lập Lê-Hoàn làm vương.
Trước màn, vâng lệnh nàng Dương,
Trong cung đã thấy áo vàng đưa ra,
Trường-yên đôi mắt son-hà,
Đại-Hành trí-lược thực là cũng ghê!
Vạc Đinh đã trở sang Lê,
Nàng Dương chặn gối cũng về hậu-cung.
Nguy-nga ngồi bạc, cột đồng,
Cung-đài trang-sức buông lòng xa-hoang,
Tự mình đã trái luân-thường,
Lấy chi rủ mối, dựng giường , về sau.

6. Nhà Lê thất-chính

Đoàn con địch, thứ tranh nhau,
Để cho cốt-nhục thành cừ bởi ai?
Trung-tông vừa mới nối đời,
Cấm-đình thoát đã có người sính-hung,
Ngọa triều thí-nghịch hôn-dung,
Trong mê tử-sắc, ngoài nông hình-danh,
Đao-sơn, kiếm-thụ đầy thành,
Thủy-lao bào-lạc ngục-hình gớm thay.
Bốn năm sầu oán đã đầy,
Vừa tuần Lê rụng đến ngày Lý sinh.

IV. Thời-kỳ phát-triển (Thế-kỷ 11 - đầu thế-kỷ 19)

x. Nhà Hậu Lý (1010 - 1225)

1. Lý-Thái-Tổ

Bắc-giang trời mở thánh minh ,
Lý-Công tên Uẩn nhân tình đối suy .
Lê triều làm chức chỉ-huy,
Lữ Đào-Cam-Mộc ứng kỳ phù lên.
Đầu năm cải hiệu Thuận-Thiên,
Thăng-Long mới đổi đặt tên kinh-thành.
Định ra thuế lệ phân minh,
Túc xa, quân giáp quân danh cũng tường.
Hồn đồng một mối phong cương ,
Hai mươi bốn lộ các đường mới chia.
Cử long sấm dậy binh uy ,
Diễn-châu gió động tinh kỳ thân chinh .
Biện loan gặp lúc hồi minh ,
Hương nguyên cảm cách, sóng kinh cũng êm.
Bốn phương trong trị, ngoài nghiêm,
Chiêm-Thành, Chân-Lạp xa đem cung cầu .
Ngựa man sang tiến Bắc triều,
Tổng hoàng ban thưởng quan-bào thêm vinh.
Ví hay đạo học tinh minh ,
Đế-vương sự-nghiệp nước mình ai hơn?
Có sao tin hoặc dị đoan,
Say vui đạo Phật lưu tiên cảnh chùa?
Để cho dân tục tranh đua,
Ni cô nói gót, tăng-đồ chen vai.
Bởi vì sinh cửa Như-lai ,
Tiêu-son từ thuở anh-hài mới ra.
Sóng tình chìm nổi ái-hà ,
Chín ngôi hoàng-hậu, phép nhà cũng sai.
Tự mình đã dựng lệ-giai ,
Khiến nên con cái, thêm bài tương-tranh .

2. Lý-Thái-Tông bình Nùng, phục Chiêm

Thái-Tông nói nghiệp thù-thành,
Anh em lại rắp đua giành ngôi cao.
Cùng nhau binh mã sấn vào,
Cầm-thành bỗng chốc xôn-xao chiến-trường.
Trận tiền giết Vũ-đức-Vương,
Đông-Chinh, Dục-Thánh tìm đường chạy xa.
Khoan hình lại xuống chiếu tha,
Thân phiên đã định, nước nhà mới yên.
Ban hình luật, canh tịch-điền ,
Mở đồ nhất thống cầm quyền tứ chinh .
Mừng xem ” Phiên phục, Nùng bình” ,
Huy xung có chữ rành rành biểu tiên .
Vấn dài là số tự nhiên,
Tụng kinh cầu thọ , khéo nên chuyện cười.

3. Lý-Thánh-Tông, một ông vua nhân dũng

Thánh-Tông văn học hơn đời,
Bình Chiêm, đánh Tống, đủ tài kinh luân.
Khuyến nông chăm việc cần-dân ,
Chiếu chẵn thương kẻ tù-nhân lạnh lùng.
Thánh hiền tô tượng học cung ,
Đặt khoa bác-sĩ, ưu dung đại-thần.
Ân riêng mưa-móc đượm nhuần,
Đã tiền lại lúa ân cần dưỡng-liêm .
Hồ tây vui thú Dâm-đàm ,
Nữ đem của nước xây làm cung tiên.
Chuông Sùng-Khánh , tháp Báo-Thiên ,
Phật vàng đúc tượng, say thiền lạ sao.

4. Bà Ý-Lan nhiếp-chánh

Nhân-Tông tuổi chửa là bao,
Ngoài ra triều-yết , trong vào giảng minh .
Thụ-di có Lý-Đạo-Thành,
Ý-Lan hoàng-hậu buông mình giúp nên.
Mở khoa bác-học cầu hiền ,
Ba thặng một mẫu, thuế điền nhẹ thay!
Có khi xem gặt, xem cấy,
Lòng chăm điền-dã , một ngày mấy tao .
Mưa ân ngấm khắp đôi-dào,
Chuộc người bần-nữ gả vào quan-phu .

5. Lý-Thường-Kiệt bại Chiêm, phá Tống

Thân chinh xe ngựa trì khu ,
Phá Sa-động bắt man tù Ngụy-Phang .
Chiêm-Thành nộp đất xin hàng,
Ba châu qui-phụ một đường thanh-di .
Tống binh xâm nhiễu biên thù,
Tướng quân Thường-Kiệt dựng cờ Bắc chinh .
Bên song Như-Nguyệt trú dinh ,
Giang sơn dường có thần linh hộ-trì .
Miếu tiền phảng phát ngâm thi,
Như phân địa thế, như trì thiên binh .
Bấy giờ Tống mới hư-kinh ,
Giảng hòa lại trả mấy thành cố cương .
Lại còn hỏi hận một chương:
” Tham voi Giao-Chỉ, mất vàng Quảng-nguyên”
Năm mươi năm lẻ lâu bền,
Vũ công văn-đức rạng truyền sử xanh.
Thượng-dương sao nở bạc tình,
Đề bà Dương-hậu một mình ngâm oan.
Kìa Lê-văn-Thịnh mưu gian,
Thương chi quái hổ mà khoan lưới hình!
Phật từ như quả chứng minh ,
Chuông chùa Diên Hựu đã thành phúc cai .
Cớ sao Trừ quân lại thác vào người hoá duyên?

6. Lý-Thần-Tông khuyến khích việc nông

Thần-Tông sinh cửa Sùng hiền,
Dấu hang thi-giải còn truyền Sài-son.
Thức nông nhộm vẽ chi-lan ,
Thông-minh học-vấn kiêm toàn cả hai.
Năm đầu vừa mới lên ngôi,
Giảng cầu trước đã mở bài kinh-diên .
Qui nông cho lính canh phiên,
Rộng ân lại trả quan-điền cho dân.

7. Đỗ-Anh-Vũ lộng quyền

Anh-Tông còn thưở xung nhân ,
Đỗ-Anh-Vũ lấy ngoại-thân lộng hành .
Ra vào trong trướng, ngoài màn,
Cùng Lê-Thái-Hậu có tình riêng chung.
Tống giam đã bắt vào trong,
Mà Lê-Hậu lại còn lòng đeo đai.
Rượu com vẫn cứ đưa mời,

Vàng cho ngục tốt liệu bài thoát ra.
Nghị đồ rồi lại được tha,
Đề đoàn Vũ-Đái đều là thác oan.

8. Tài kinh-quốc của Tô-Hiến-Thành

Rời ra vắng mặt quyền gian ,
Hiến-Thành hết sức cán-toàn mới nên.
Khi triều Tống, khi sinh Nguyên ,
Một niềm cung thuận , đôi bên được lòng.
An-nam Tống mới cải phong ,
Quốc danh từ ấy rạng dòng viêm-phương .
Thành nam mở chốn võ-tràng ,
Tập-tành cung ngựa phô trương tinh kỳ .
Uy danh rộ đến biên thù,
Chiêm-thành, Nguu-hồng man di cũng bình.
Tuần-du đã tỏ dân tình,
Sơn xuyên trải khắp địa-hình gần xa.
Trừ quân vì một ấu niên .
Thác cô nhờ có tội hiền,
Dẫu người hối-chúc mà quyền chẳng sai.
Cao-Tông ba tuổi nổi đời,
Hiến-Thành cư-nhiếp , trong ngoài đều yên.
Di lưu còn muốn tán dương .

9. Lý-Cao-Tổ thất-chính

Tiết không dùng kẻ trung tương ,
Cao-Tông hoang túng mọi đường ai can?
Dấu xe quanh khắp giang san,
Chính mình lỗi tiết , du quan quá thường .
Lại thêm thổ-mộc cung tường ,
Mua quan bán ngục nhiều đường riêng tây.
Nhạc Chiêm râu-rĩ khéo bày,
Những là tai-biến từ này hiện ra.
Trâu đầu lên ngọn am-la ,
Thước đầu làm tổ góc nhà Kính-thiên .
Bốn phương trộm cướp nổi lên,
Quân Chiêm, người Tống Quyền-cương ngày một đổi dời,
Phạm-Du đã phản lại vờ về kinh.
Bình-Di là kẻ trung-thành,
Nghe dèm mà nữ kim giai .
Xe loan lánh chạy ra ngoài,
Hoàng-thân để thích mỗi người một phương.

11. Họ Trần giúp vua Lý

Trừ-quân đi đến Thiên-trường.
Tĩnh-cờ lại gặp một nường tiêu-thư.
Con nhà Trần-Lý công ngư .
Lưới chài nhưng cũng phong-tư khác thường.
Trăng già đưa mối tơ vương,
Mới hay con tạo mở đường di-duyên .
Họ Trần từ ấy nổi lên.
Kết bè thích-lý , dựng nền tiếm-giai .
Trần-Tự-Khánh ở phương ngoài,
Đem quân Hải-ấp vào nơi đô thành.

12. Lý Huệ-Tông phát diên

Huệ-tông gặp bước gặp-ghềnh,
Nhẹ ân mẫu-hậu , nặng tình phu-nhân .
Lạng-châu xe đã Bắc-tuần ,
Nửa đêm riêng với nàng Trần lên đi.
Gặp quân Tự-khánh rước về,
Đương cơn gió bụi bốn bề chưa êm.
Huệ-tông cuồng-tật lại thêm.
Khi ngày đứng múa khi đêm nằm dài.
Xuất-gia lại muốn tu trai ,
Ngôi-thiênng phó-thác cho người đào thơ .
Đằng-sơn bóng nhật đã mờ,
Hai trăm mười sáu Lý-cơ còn gì?"

13. Lý Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng

Chiêu-hoàng là phận nữ-nhi,
Phần son gánh việc gian-nguy được nào!
Xây vản cơ-tạo khéo sao?
Bỗng xui Trần-Cảnh hiện vào hầu trong.
Người yếu-điều, kẻ thư phong ,
Bén hơi rom lửa, động lòng mưa mây ,
Vẩy nước chầu, vắt khăn tay,
Khi đêm đập bóng, khi ngày ngồi chung .
Hoa đào đã dạn gió đông.
Vua tôi phận đẹp, vợ chồng duyên may.
Chiếu rồng ban xuống năm mây .
Mừng rằng nữ-chúa ngày nay có chồng.

xi. Nhà Trần (Thời kỳ thịnh trị: 1226 - 1340) Thời-Kỳ Thịnh Trị (1226-1340)

1. Những việc cải cách đầu tiên

Đông-A tỏ mặt vùng hồng,
Thái-tông cải hiệu Kiến-trung rõ-ràng.
Trần-Thừa là Thái thượng-hoàng,
Chuyên quyền thính-đoán , gồm đường kinh-luân.
Soạn làm thông chế lễ-văn ,
Thuế điền đã định, số dân cũng-tường.
Tướng-thần mới đặt bình-chương ,
Huyện châu sai kẻ khoa-trường trị dân,
Bạ-đầu thi kẻ lại-nhân.
Hiệu-quân Tứ-thánh, Tứ-thần mới chia.
Hà phòng rày mới có đê,
Trăm quan áo mạo, dù xe thêm tường.
Việc ngoài đánh dẹp bốn phương,
Phó cho Thủ-Độ chuyên đường trị dân.

2. Văn-học và võ-công

Thượng-hoàng phút đã từ-trần,
Thái-tông tuổi mới đến tuần mười hai.
Cao-minh đã có tư trời ,
Lại thêm Thủ-Độ vẽ vờ khôn-ngoan.
Sùng-văn , tô tượng Khổng, Nhan ,
Dựng nhà Quốc-học , đặt quan Giám-thần ,
Bảy năm một hội-thanh-vân ,
Anh-tài náo-nức dần dần mới ra.
Trạng-nguyên, bảng-nhỡn, thám-hoa,
Kẻ kinh, người trại cũng là tài danh
Lại thi thái-học chừ-sinh,
Lại thi tam-giáo chia rành ba khoa.
Thân-chinh trở ngọn thiên-qua ,
Chiêm nam, Nguyên bắc đều là dẹp tan.

3. Phong-tục đời Trần

Vì ai, đặt gánh giang-san?
Mà đem cố chúa gia oan nữ nào!
Chiêu-hoàng duyên trước làm sao?
Gà đi bán lại , coi vào khó nghe!
Phép nhà chẳng sửa buông the,

Vợ anh sao nữ đem về hậu-cung
Bởi ai đầu mở hôn-phong,
Khiến nên một đạo khuê-phòng thẹn riêng!
Thuần-bôn dong thối ngựa-nghiêng,
Họ-đương lầy lẩn nào kiêng sợ gì.
Thiên-Thành công-chúa vu-quy,
Sao Trần Quốc-Tuấn cướp đi cho đành?
Sính-nghi đem tiến thiên-đình
Thụy-bà lẳng-lú, Trung-Thành ngẩn-gơ:
Dị-đoan mê-hoặc khôn chừa,
Chùa tô phật-tượng, đình thờ Thích-ca.
Tin lời phong-thủy khi tà,
Đào sông đục núi cũng là nhọc thay!
Lễ đầu yến-âm quá say,
Đội mo rót rượu, dan tay vui cười.
Ba mươi năm chán cuộc đời,
Truyền cho con nối, ra ngoài Bắc-cung.

4. Đức-độ và chánh-trị của Trần-Thánh-tông

Thánh-tông hiếu-hữu một dòng,
Sớm hôm châu chực, mát nòng thành-thời.
Anh em đẽm cá gỏi dài,
Sân trong yến-lạc, cõi ngoài âm-phong.
Một thiên truyền thụ phép lòng,
Di-muru cho kẻ nối dòng ngày sau.
Văn-nho khuya sớm giảng-cầu,
Kẻ tu sử-ký, người châu kinh-diên.
Bề ngoài nghiêm việc phòng biên,
Kén quân đoàn-luyện tập thuyền Cửu-sa.

5. Trần-Hung-Đạo phá Mông-Cổ

Trao-truyền theo lối phép nhà,
Nhân-tông hùng-lược lại là tài hơn,
Rợ Nguyên quen thói tham-tàn,
Quân năm mươi vạn, những toan tranh-hành,
Sắc sai Hung-Đạo tổng binh,
Vớ Trần-Quang-Khải các dinh tiến vào.
Chương-dương một trận phong-đào,
Kìa ai cướp giáo, ra vào có công?
Hàm-quan một trận ruổi giông,
Kìa ai bắt giặc, uy-phong còn truyền?
Giặc Nguyên còn muôn báo đền,
Mượn đường hộ-tổng binh thuyền lại sang.
Xương bày trắng đất, máu màng đỏ sông.

Trần Hưng-Đạo đã anh-hùng,
Mà Trần-Nhật-Duật kẻ công cũng nhiều.
Hoài-Văn tuổi trẻ trí cao,
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công.
Trần-Bình-Trọng cũng là trung,
Đành làm Nam-quý, không lòng Bắc-vương.
Khuyến-ung còn nghĩa đá vàng,
Yết-Kiên, Dã-Tượng hai chàng cũng ghê!
Mà trong ngọc-diệp kim-chi,
Lũ Trần-Ích-Tắc sao đi đầu hàng?
Nhân khi biến-cổ vôi-vàng,
Kẻ trung người nịnh đôi dằng tỏ ra,
Trùng-hung đem lại sơn-hà,
Đã hay thiên-tướng cũng là tài sinh.
Nước nhà khi ấy thanh-bình,
Truyền ngôi thái-tử, lánh mình Ngọa-vân.

6. Anh-tông và Minh-tông

Anh-Tông nổi giữ nghiệp Trần,
Trong tu văn-đức, ngoài cần vũ-công.
Có châm để dạy Đông-cung.
Thủy-vân có tập vui cùng bút nghiên.
Vị không mến phật, say thiên,
Cũng nên một đứng vua hiền Đông-A.
Quyện-cần rồi lại xuất-gia,
Minh-tông kế-thống cũng là hiền-vương.
Mười lăm năm giữ phép thường,
Rạng nền nếp cũ, mở giường-mối sau.
Tiếc không biện-biệt ngư-châu
Để cho tà-nịnh ở đầu giai-ban.
Khắc-Chung thêm dệt lời gian,
Quốc-Chân mắc phải tiếng oan thiệt mình.

7. Việc đánh dẹp về đời Hiến-tông

Hiến-tông làm máy lung-linh,
Nghiêm xem tinh-độ vận-hành không sai.
Thạch-đê mới đắp đường dài,
Nước sông thuận lối về ngoài biển Đông.
Thừa bình lại hiếu vũ-công,
Đà-giang xa-mã, Nam-nhung tinh-kỳ
Cô-quảng mấy kẻ truy-tùy,
Nhữ-Hài, Chiêu-Nghĩa đều về thủy-cung
Kiềm-châu có đá kỷ công,
Oán dày về triện, sấu đông ngân rêu.

xii. Nhà Trần (Thời kỳ suy vi: 1341 - 1400)

1. Nhà Trần bắt đầu suy

Dụ-tông em lại thừa-diêu,
Ngôi thay anh cả, quyền theo Thượng-hoàng.
Thượng-thư mới đặt tinh-đường,
Đề-hình chuyên-vận chức thường có tên.
Khuyến-nông sai sứ đồn-điền,
Vân-đồn đặt trấn tra thuyền khách-nhân.
Khu-tào thống-lĩnh cấm-quân,
Phong-đoàn lại mới kén dần các đô.
Uy-thanh xa động biên-ngu,
Chiêm-thành Chế-Mộ dâng đồ thổ-nghi
Mong nhờ đưa lối về quê,
Hay đâu gặp gió trở về luống công.
Thượng-hoàng đã vắng mặt trong,
Nào ai kiêng sợ mà lòng chẳng đi?
Đền Song-qué, ao Thanh-trì,
Muông-chim hoa-cỏ thiếu gì trò chơi!
Trong cung cờ bạc chơi bời,
Tiệc vui chúc chén, trận cười leo dây!
Đạo thường chẳng cần phòng-vi,
Chị em chung-chạ loạn bề đại-luân.

2. Dương-Nhật-Lễ tiếm-vị

Truyền ngôi con đứu ưu-nhân,
Để Dương-Nhật-Lễ tiếm trần dụng lên.
Thối nhà bài-hước đã quen,
Tiếng hòa nhịp phách, hát chen cung đàn.
Hiển-từ đã phải hàm-oan,
Trần-công mưu hở thân-tàn cũng thương!
Nghệ-tông dòng-dõi thiên-hoàng,
Đà-giang lánh dấu, liệu đường khuất-thân,
Tiềm mưu với kẻ tôn-thần,
Đem về xã-tắc nhà Trần thừa xưa.
Yêu-phân dành đã tảo-trừ,
Cũng là nói một mối thừa lại sau.

3. Chiêm-thành xâm-nhiều

Tiếc sao một bực ưu-nhu,
Đông-A từ ấy cơ-đồ mới suy.
Giậu phen trồng-trải biên-thù,

Giặc Chiêm giông-ruồi đô-kỳ xôn-xao.
 Quý-Ly cho dự khu-tào,
 Báu-thiên lại để gian-hàokhải-du
 Duệ-tông hãm-hở phục-thù,
Đánh Chiêm nào quản tri-khu dậm trường.
 Khinh mình vào động Ky-mang,
 Tinh-kỳ tan-tác gió sương mịt-mù.
 Em là Phế-đế hôn-ngu,
 Chôn tiền giầu của như đồ trẻ chơi.

4. Lê-Quý-Ly phế-lập

Quý-Ly quyền lẫn trong ngoài
 Buông lời sàm-gián quên bài tôn-thân.
 Truyền vời Phế-Đế vào sân,
 Lựa đào một tấm bẻ trần kết-oan.
 Thuận-tông tuổi mọn tài hèn,
Ngồi không mà để chính-quyền mặc ai.
 Phải chăng bởi tại mưu người,
 Mà điềm trăm-triệu cơ trời lạ sao!
 Thượng-hoàng một giấc chiêm-bao,
” Bạch-kê, xích-chủy” ứng vào câu thơ.
 Loạn-trung đã hiện từ giờ,
 Mà đồ tứ-phụ ai ngờ vẽ ra!
 Chim con đem gửi ác già,
 Chắc đâu phó-thác hẳn là đặc-nhân!

xiii. Nhà Hồ và giặc nhà Minh (1400 - 1418)

1. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần

Quý-Ly gấm-ghé vạc Trần.
 Quyết dời kê-chợ về gần An-tôn.
 Đã xui truyền vị cho con,
Ngọc-Thanh lại kết oan-hồn một giây.
 Gặp khi Thiếu-Đế thơ-ngây,
Khát-Chân, Trần Hãn đêm ngày hợp-muru.
 Hội-minh vừa mới lên lầu,
 Ba trăm đồ-đảng cùng nhau hiệp-tình.
 Dùng-dăng chưa kịp cất binh,
 Hở cơ một phút tan-tành như tro.
 Quý-Ly mới đổi họ Hồ,
Quốc-danh là hiệu Đại-Ngu chương-hoàng.
 Truyền ngôi con cả Hán-Thương,
 Tự xưng là Thái-thượng-hoàng ở trong.

Sai người dâng biểu cầu-phong,
Dối Minh xin để nói dòng quốc-quân.

2. Quân Minh diệt nhà Hồ

Nguyễn-Khang giả tiếng họ Trần,
Sang Minh xin lấy viện-quân đưa về.
Chi-lãng nghe động cô-bề,
Lý-Bân, Mộc-Thạnh trở cờ tới nơi.
Quân Minh nhân thế đuổi dài,
Nhị Hồ mới chạy ra ngoài phương xa.
Núi Cao-vọng, bến Kỳ-la,
Đường cùng phải bắt cũng là trời xui!
Tôn-vinh kẻ được mấy hơi,
Sáu năm tiếm-vị, muôn đời ô-danh

3. Trần-Giản-Định chống Minh

Quý-Ly tội ác đã đành,
Rời ra lại gặp người Minh hung-tàn.
Chia phủ, huyện, đặt quân-quan,
Cỏ cây đều phải làm-than hội này
Dòng Trần chưa dứt một dây,
Triệu-Cơ còn rắp ra tay đồ-hồi.
Lại phù Giản-Định lên ngôi,
Cảnh-Chân, Đặng-Tất vua tôi hiệp-tình.
Mở cờ đánh với quân Minh,
Phá đồn Cổ-lộng, đốt thành Bô-cô.
Ví hay nhân thế tràng-khu,
May ra khôi-phục cơ-đồ cũng nên.
Trùng-hung cơ-tự chưa bền,
Bổng không đem kẻ tướng hiền giết đi,
Cho nên hào-kiệt bạn-ly,
Cánh vây không có, còn gì mà mong?

4. Trần-Trùng-Quang chống Minh

Tướng-môn lại có con dòng,
Đặng-Dung, Cảnh-Dị mới cùng hợp mưu.
Một hai quyết-chí đồng-cừ
Cùng đem binh-sĩ ruổi vào Chi-la.
Lại tìm dòng-đôi Trần-gia,
Tôn-phù Quý-Khoáng, ấy là Trùng-Quang.
Dem binh vào phủ Thiên-tràng,
Đón vua Giản-Định về đảng Nghệ-an.
Cùng nhau gánh việc gian-nan,

Hạ-hồng tế ngựa, Bình-than đỗ-thuyền.
Quân Minh cố giữ thành bền,
Bồng đầu Trương-Phụ băng miền lại sang.

5. Quân Minh chiếm toàn cõi Đại-Việt

Từ khi Giản-Định đầu hàng,
Nghệ-an đất cũ Trưng-Quang lại về.
Quân Minh chiếm giữ Bắc kỳ,
Vua Trần lánh ở Nam-thùy một nơi.
Đặng-Dung, Cảnh-Dị mấy người,
Thế cùng dù có tướng tài cũng thua.
Trước sau mười bốn đời vua,
Một trăm tám chục xuân-thu chưa chầy.
Loạn-cơ bởi tự ai gây?
Quý-Ly tiếm-thiết tội đây muôn đời.
Chẳng qua lịch đời, số đời,
Xui ra cho đũa gian-hồi nhuốm tay.

6. Chính-sách nhà Minh

Cốc-lãng trời khéo đổi thay,
Giận riêng bờ cõi từ này thuộc Minh.
Người trí-thức, kẻ tài danh,
Nam-sơn đào-độn, Bắc-đình câu lưu,
Thuế tợ, thuế thóc tham cầu,
Mỏ vàng mỏ bạc, trung-thâu cũng nhiều;
Săn bạch-tượng, hái hồ-tiêu,
Mỏ châu, cấm muối, lăm điều hại dân.

xiv. Nhà Hậu Lê (Thời kỳ thống nhất: 1418 - 1526)

1. Lê thái-Tổ phá giặc Minh

Mới hay cơ-tạo xoay vần,
Có khi bĩ-cực đến tuần thái-lai.
Thiếu chi hào-kiệt trong đời,
Non xanh nước bạc có người kinh-luân.
Lương-giang trời mở chân-nhân,
Vua Lê Thái-tổ ứng tuần mới ra.
Lam-sơn khởi-nghĩa từ nhà,
Phong-trần lăm lúc kẻ đà gian-nguy.
Lạc-xuyên đầu giết Mã-Kỳ,
Nghệ, Thanh một giải thu về bản-chương.
Chia quân kinh-lược mọi đường,

Hai kinh đã định, bốn phương cũng bình.
Vương-Thông bền giữ cô-thành.
Viện-binh hai đạo Bắc-đỉnh tiếp sang.
Trời nam đã có chủ-trương,
Mà cơ chế-thắng miếu-đường cũng tinh.
Chi-lãng các đạo phục binh,
Liễu-Thăng, Mộc-Thạnh liễu mình nẻo xa.
Vương-Thông thế tủng cầu-hòa,
Quyền phong Trần-Cảo gọi là Quốc-vương.
Ngôi thiêng sao xứng tài thường.
Trần-Công trầm-sát để nhường long-phi.

2. Nhà Lê kiến-quốc

Thuận-thiên niên-hiệu cải-đề,
Non sông mới thuộc về Lê từ rầy,
Quan-danh, quân-hiệu mới thay,
Bản-đồ đổi lại huyện này, phủ kia.
Dựng nhà học, mở khoa thi,
Triều-nghi, quốc-luật một kỳ giảng-tu
Mười năm khai-sáng cơ-đồ,
Sáu năm bình-trị qui mô cũng tường.
Thái-tông rộng mở khoa-trường,
Lập bia tiên-sĩ trọng đường tư-vấn.
Chín năm noi nghiệp cơ-cần,
Viễn-di mên đức, cường-thần sợ uy.
Tuổi xanh hoang-túng nhiều bề,
Vườn xuân lắm lúc say-mê vì tình.
Đông-tuần về đến Bắc-ninh,
Riêng cùng Thị-Lộ quên mình bởi ai?
Nhân-tông tuổi mới lên hai,
Quyền trong mẫu-hậu, chính ngoài thần-công.
Mười năm một hội đại-đồng,
Văn-mô rạng trước, vũ-công phục ngoài.
Đánh Chiêm-thành, cắt Bí-cai,
Đổ-bàn, Cỗ-lũy các nơi hướng tiền.

3. Lê-Nghi-Dân cướp ngôi

Diên-ninh vừa độ trung-niên,
Nhân-tông tuổi cả mới lên ngự trào.
Nghi-Dân cốt nhục nữ nào,
Tiềm-muru đêm bắc thang vào nội-cung
Mẹ con đương thừa giấc nồng,
Hồn tiên liễu với gian-hùng một tay.
Nghi-Dân chuyên tiềm từ đây,

Lương-tâm đã dứt, ác-cai lại nồng.
Đình-thần nghị tội truat-phong,
Rước Gia-vương, ngự đền rồng cải-nguyên.

4. Thời-kỳ toàn-thịnh: Lê Thánh-tông

Thánh-tông cốt-cách thần-tiên,
Lại thêm kinh thánh truyện hiền gia-công,
Quốc-âm, Đường-luật tinh-thông,
Thiên-văn, toán-pháp, binh-nhung cũng tường.
Tài cao-mại, đức thù-thường.
Kiến-văn đã rộng, thi-trương cũng già,
Ba năm lại mở một khoa,
Tân-hung, đại-tị theo nhà Thành-Châu,
Nhạc-âm, lễ-chế giảng cầu,
Quan-danh, phục-sắc theo trào (triều) Đại-Minh.
Mở Quảng-nam, đặt Trấn-ninh
Đề-phong muôn dặm uy-linh ai bì.
Kỷ công núi có Đá-bia,
Thi-văn các tập ‘ Thần-khuê còn truyền.
Thừa-diêu lại có con hiền,
Hiển-tông nhân-thứ rạng nền tiền-huy.

5. Nhà Lê bắt đầu suy

Túc-tông số lẽ vận suy,
Đề cho Uy-Mục thứ chi nối đời.
Đêm ngày tử-sắc vui chơi,
Tin bè ngoại thích hại người từ-thân.
Văn-Lang xướng suất phủ-quân.
Thần-phù nổi áng phong-trần một phương.
Giản-Tu cùng phái ngân-hoàng,
Vào Thanh hợp với Văn-Lang kết thê.
Đem binh vây bức đô-kỳ,
Quý-vương khuất mặt, quyền về Trư-vương.
Lại càng dâm-ngược kiêu-hoang.
Trăm gian, nghìn-nóc, cung-tường xa-hoa.
Lại càng bác-tước họ nhà.
Cành vàng lá-ngọc đều là điều-linh.

6. Loạn Trần-Cảo và Trịnh Duy-Sản

Phương ngoài Trần-Cảo lộng-binh,
Mà trong Duy-Sản mống tình bạn-quân.
Đem binh vào cửa Bắc-thần,
Bích-câu một phút mông trần bởi ai.

Giếng Lê khi đã đổi dời,
Mặc tay Duy-Sản đặt người chủ-trương
Đã tôn con Mục-ý-vương,
Lại mưu phù-lập Chiêu-hoàng có sao?
Thị thành vừa lúc xôn-xao,
Lại đưa xa giá ruổi vào cõi Tây,
Lòng trời khử-tật mới háy,
Giết Duy-Sản lại mượn tay giặc Trần.
Tướng tài còn có Trần-Chân,
Nguyệt-giang chống với giặc Trần mấy phen
Ngụy Trần vào cứu Đông-Nguyên,
Truyền ngôi con cả, cải nguyên Tuyên-hòa,
Cao đầu vào cửa Thích-già,
Y-qui nương bóng Di-đà độ-thân.

7. Chính-quyền tan-rã

Trời sinh ra hội phong-trần,
Mạc Đăng-Dung lại cường-thần nổi lên.
Trần-Chân tay giữ binh-quyền,
Trên ngò thế cả, dưới ghen tài lành
Tiếc thay có tướng can-thành,
Tin sàm mà nữ dứt tình chẳng tha.
Vì ai gây gổ oan-gia,
Để cho Nguyễn-Kính lại ra báo thù.
Kinh-sư khói lửa mịt-mù.
Xe loan ra cõi Bảo-châu tỵ-trần.
Nguyễn-Sur cũng đảng nghịch-thần,
Nửa năm phù-lập hai lần quốc-vương.
Ngàn Tây một cõi chiến-trường,
Phó cho Mạc-súy sửa-sang một mình.

8. Mạc-Đăng-Dung chuyên-quyền

Đăng-Dung cậy có công-danh,
Thuyền rồng, tán phượng lộng hành sợ chi.
Chiêu-Tông gặp lúc hiềm-nghi,
Nửa đêm lén bước chạy về Tây-phương.
Đăng-Dung lập lại Cung-hoàng,
Hành-cung tạm trú Hải-dương cõi ngoài.
Xe loan về đến kinh-đài,
Sẵn-sàng thiên-chiếu ép bài sách-phong.
Họa-tâm từ ấy càng nồng
Lương-châu Tây-nội cam lòng cho đang.

xv. Nhà Mạc (1527 - 1592)

1. Ngoại-giao và nội-chính của Mạc-Đặng-Dung

Mạc rầy rỡ mặt tiêm-cường,
Thăng-long truyền nước, Nghi-dương dựng nhà.
Đỗ người lấy về vinh-hoa,
Nhưng lòng trung-nghĩa ai mà sá theo.
Cầu phong sai sứ Bắc-triều,
Dâng vàng, nộp đất nhiều điều đối Minh.
Lê-thân có kẻ trung-trinh,
Trịnh-Ngung sang đến Bắc-đình tỏ kêu.
Minh tham lễ hậu của nhiều,
Phụ tình trung-nghĩa, quên điều thị-phi.
Đặng-Dung thỏa chước gian-khi,
Tuổi cao rồi lại truyền về Đặng-Doanh.
Mã giang đầu xướng nghĩa-thanh,
Gần xa đâu chẳng nức tình cần-vương.
Được thua mấy trận chiến-trường.
Nghìn-thu tiết-nghĩa đá vàng lưu-danh.

2. Nguyễn-Kim khởi-nghĩa phù Lê

Cành Lê có độ tái-vinh,
Xui nên tá-mệnh trời sinh thánh-hiền.
Đức vua Triệu-tổ ta lên,
Cát quân phù-nghĩa giúp nên trung-hung,
Sâm-châu ỷ thế nguồn rừng,
Mười năm khai-thác mấy từng nước non,
Dù khi đỉnh-tộ suy mòn,
Cương-trù chưa nát vẫn còn tôn Lê.
Trang-tông lưu-lạc tìm về,
Chia binh Thúy đá, mở cờ Ai-lao.
Lôi-dương một trận binh giao,
Phá tan nghịch đảng tiến vào Nghệ-an
Cỏ hoa mừng rước xe loan,
Thỏ-hào ứng nghĩa dân-gian nức lòng,
Tây-đô quét sạch bụi hồng,
Dặm-tràng thẳng trở ngọn đòng tràng-khu
Hẹn ngày vào tới Đông-đô,
Một hai thu-phục cơ-đồ thừa xưa.
Độc sao hàng-tướng tiến đưa!
Trước dinh Ngũ-trượng bỗng mờ tướng-tinh.

3. Trịnh-Kiểm tiến quân ra Bắc

Tiếc thay công-nghiệp thùy-thành,
Để cho Trịnh-Kiểm thay mình thống quân
Sáu năm vừa hội hanh-truân,
Đình-hồ đâu đã đến tuần mây che.
Trung-tông nhờ cậy dư-uy,
Mạc-thần mấy kẻ cũng về hiệu-trung.
Biện-dinh quân mạnh, tướng hùng,
Bốn phương hào kiệt nức lòng y-quang.
Đông-kinh trở ngọn việt vàng,
Phúc-Nguyên Mạc-chúa chạy sang Kim-thành.
Thần-phù thuyền-giã lênh-đênh,
Lại còn Kính-Điền đeo tình quấy trêu.
Quan-binh theo ngọn thủy-triều,
Duyên-giang một trận, nước bèo chảy tan.
Anh-tông nổi nghiệp gian-nan,
Tây-đô một giải giang-san cõi nhà.
Mạc vào xâm-nhiều Thanh-hoa,
Thái-sư Trịnh-Kiểm lại ra tiêu-bình.

4. Nguyễn-Hoàng vào Hóa-Châu

Hóa-châu có đất biên-thành,
Bốn bề sơn-hải trời dành kim-thang.
Trịnh-công tâu với Lê-hoàng,
Chọn người ra giữ một phương thành dài.
Bản triều Thái-tổ hùng-tài,
Giống cờ ra trấn cõi ngoài từ đây.
Việt-mao khi đã đến tay,
Hoành-sơn một giải mới gây cơ-đồ.

5. Trịnh Mạc phân-tranh

Mặt trong đàn đã khởi lo,
Trịnh-công chuyên ý trì-khu cõi ngoài.
Quận Gia, quận Định mấy người,
Hung, Tuyên binh-hợp các nơi thêm đầy.
Mạc dần suy yếu từ nay,
Vận Lê xem đã đến ngày trùng-hanh.
Đem quân về giữ Tây-kinh,
Bỏ Thanh lại lạng tấm kính như không.
Nhân khi Mậu-Hợp ấu-trùng,
Mở đường Phố-cát, qua sông Bồ-đề.
Mạc vào, quân lại rút về,
Mạc lui, quân lại bốn bề kéo ra.

Tuyết-sương trăm trận xông-pha,
Trịnh-Công vì nước cũng đà cần-lao.

6. Trịnh-Tùng chấp chính

Tuổi già vừa giải tiết-mao,
Con là Trịnh-Cối lại vào đông-nhung.
Kiêu-hoang quen thói con dòng,
Bình quyền lại để Trịnh-Tùng thay anh,
Cối, Tùng một góc đôi càn,
Vinh-khô đã khác, ân-tình cũng khuê,
Anh em mâu-thuẫn hai bề,
Thừa cơ Mạc lại kéo về nội-xâm.
Mạc lui, Tùng mới manh-tâm,
Ngoài trương thanh-thế, trong cầm quyền-cương.
Lại mưu tàn-hại trung-lương,
Vàng đưa ngoài cửa, búa trương dưới màn.
Tạ-tình phụ tấm niêm-đan,
Đem Lê-Cập-Đệ giết oan nữ nào!
Bằng không nổi trận ba-đào,
Để cho xa-giá chạy vào Nghệ-an.
Giá-điền vừa mới hồi-loan,
Lôi-dương đã nổi tiếng oan giữa vời.
Thế-tông con thứ nổi đời,
Trịnh-Tùng phò-lập cùng loài giả-danh.

7. Trịnh-Tùng diệt Mạc

Cối ngoài giặc Mạc tung-hoành,
Bắc-hà cát-cứ mấy thành nhân-dân.
Giáng uy nhờ có lôi-thần,
Nhân khi Mậu-hợp đến tuần thiên-tru
Mạc-thần mấy kẻ vũ-phu,
Sao mai lác-đác, lá thu rụng-rời.
Xuất binh vừa gặp cơ trời,
Đường ghềnh len-lỏi ra ngoài Thiên-quan.
Tràng-khu một lối duyên-san,
Huyện-châu gió lướt, Tràng-an lửa nồng.
Bỏ thành, Mạc chạy qua sông,
Đuổi sang Phượng-nhơn đường cùng mới thôi,
Kể từ Ngụy Mạc tiếm ngôi,
Năm đời truyền kể sáu mươi năm chầy.
Trần-ai quét sạch từ rày,
Về kinh ban yên, tiệc bầy thưởng công.

xvi. Nhà Lê Trung hưng (Vua Lê-Chúa Trịnh: 1593 - 1729)

1. Giao-thiệp buổi đầu với Trung-hoa

Mới sai sứ-giả cầu phong,
Nghe gièm, Minh hãy còn lòng tin-nghi.
Sai quan hội-khám một kỳ,
Phong làm Đô-thống, cơ-mi gọi là!
Phùng-Khoan sứ-tiết cũng già,
Biểu-từ biện-chiết thật đà thiết-minh.
Mấy lời ôn-du đình-ninh,
Phong vương còn đợi biểu-tinh có ngày.

2. Trịnh-Tùng xưng chúa

Hồ lui, lang tới khéo thay!
Mạc kia vừa đẹp, Trịnh này lại lên.
Tùng xem căn-cứ đã bền,
Công-danh càng thịnh, uy-quyền càng cao.
Rỡ-ràng ngọc-sách, tinh-bao,
Gia-phong Nguyên-súy, dự vào sủng-chương
Bình-an lại tiến tước vương,
Gầy nên tiếm-thiết, mở đường khai-du.
Kính-Tông còn độ ấu-cô,
Đổng-lương ai kẻ xanh-phù vạc Lê?
Triều-thân những lũ Bùi-Khuê,
Lại tìm Mạc-nghiệt theo về Kính-Cung.
Nghĩ-dương tro tắt lại nòng,
Thị-thành nổi áng bụi hồng bởi ai?
Nhân khi giá-ngự ra ngoài,
Thừa hư Mạc lại vào nơi đô-thành.
Quan-quân ra đánh lại bình,
Thặng-dư mới phát tự Thanh ngự về.
Chông gai tuy sạch mọi bề,
Mà trong quyền cả chuyên về một tay.
Bốn phương tai-biến đã đầy,
Đầm khô, núi lở, cát bay mù trời
Chẳng qua trăm sự tại người,
Gẫm cơ hư-cửu biết đời thịnh-suy.
Súng đầu phục trước đường đi,
Để cho Trịnh-chúa lại nghi Lê-hoàng.
Sinh con gặp đũa vô-lương,
Châu-liên sao nữ quên đường quân-thân?

3. Trịnh-Tráng tặng quyền phủ chúa

Thừa gia theo lối cường-thần,
Vua Lê, chúa Trịnh nhân-tuần đã quen,
Thần-tông vừa mới cải-nguyên,
Sách-phong Trịnh-Tráng đã ban từ giờ.
Thành-đô quyền trọng hơn xưa,
Nhà Lê cũng một giải thừa mà thôi!
Nước nhà đang buổi yên vui,
Xin vua xuống chiếu truyền ngôi nhẽ gì?
Chẳng qua là dạ gian-khi,
Làm cho rõ mặt phúc-uy tự nhà.
Chân-Tông tuổi mới mười ba,
Hưng-hò quyền chúa, ngôi cha mặc lòng.
Quốc-vương Minh mới cải-phong,
Bảy năm lịch-số vừa chung một đời
Xoay quanh mới tỏ đạo trời,
Báu thiêng đem lại cho người truyền gia
Thần-tông thay giữ nghiệp nhà,
Thượng-hoàng lại đổi mặt ra tân-hoàng.
Thờ-ơ cờ đạo nhà vàng,
Chính-quyền phó mặc Trịnh-vương, biết gì.
Nhà Minh thưở ấy đã suy,
Mượn binh lại sắp nhờ uy cường-thần.
Sắc phong chiếu-du ân-cần,
Phó-vương Trịnh lại thêm phần tôn-vinh.
Cả giàu sang, lớn quyền-hành,
Giang-son chung một triều-đình chia đôi.

4. Trịnh-Tạc đánh Nguyễn và Mạc

Tiêm phong, Trịnh-Tạc nổi ngôi,
Tước vương mình lại tài-bôi cho con.
Càn-cương ngày một suy-mòn,
Cuộc đời chìm nổi, ai còn hiệu-trung,
Bản-triều mở dấu Kỳ-phong,
Thánh-thần truyền dõ một lòng tôn Lê.
Quyền-gian giận Trịnh nhiều bề,
Sắc sai Chiêu, Thuận khắc-kỳ tiến-chinh.
Sáu năm rồi mới bãi-binh,
Lũy dài còn dấu uy-linh để truyền.
Vận Lê còn buổi truân-chuyên,
Huyền-tông thơ ấu để quyền Tây-vương.
Đặng-uy đã biến lễ-thường,
Vào châu không lạy, miếu-đường có ai?
Thiên-nhan lại muốn sánh vai,

Giường ngồi đem đặt bên nơi ngự-tiền.
Dọc ngang dưới phủ trên đền,
Móng tình cái-bộ gây nên tranh-vương.
Vũ-công lại muốn phẫn-dương,
Đem quân đánh Mạc lại sang Cao-bình.
Mạc vào cầu-viện Yên-kinh,
Phong làm Đô-thống tung-hoành cõi xa.
Bốn châu riêng một sơn-hà,
Danh tuy phụ Hán, thực là thê Ngô.
Gia-tông vừa nổi cơ-đồ,
Xe loan đã giục tri-khu ra ngoài.
Phòng-biên đã có tướng tài,
Quân ta một trận, lũy dài phá tan,
Mã-đầu đã trở quy-an,
Hà-trung Trịnh lại đặt quan lưu-đôn.

5. Trịnh-Căn và nhà Thanh

Về nhà lập lại Trịnh-Côn (Căn)
Nam-vương theo lối quyền-môn một dòng.
Đêm ngày bí-các thông-dong,
Văn-thần thay đổi vào trong chực hầu,
Quốc-Trinh tham-tụng ở đầu,
Bởi sao nên nổi gây thù ưu-binh?
Hy-tông hoàng-đệ thay anh,
Ngôi không luống giữ, quyền hành mặc ai!
Bấy lâu chiếm giữ cõi ngoài,
Hãy còn Mạc-nghiệt mấy đời đến nay.
Di-thư sang với Quảng-tây,
Một lần hội-tiểu từ này chạy xa.
Quân Thanh xâm chiếm đất ta,
Vị-xuyên, Bảo-lạc, Nà-oa, Lộc-bình.
Thổ-quan lại có tư-tình,
Tham vàng đem giới-kê chuyển-di.

6. Triều thần nhà Lê

Bên ngoài xâm-tước nhiều bề,
Ở trong chính-sự chính-tề được bao?
Lễ gì hơn lễ bang-giao,
Mà cho quan thị đứng vào đầu ban.
Thế mà những kẻ cư-quan,
Cũng đành ngoảnh mặt cho toàn tôn-vinh.
Tại triều mấy kẻ trâm-anh,
Nguyễn-Đang, Đồng-Trạch công-thanh một đường.
Thế-Vinh tài học ưu-trường,

Nguyễn-Hành, Hà-Mục văn-chương cũng già.
Bởi ai thiên-hạ âu-ca,
Chẳng quan tham-tụng Văn-hà là chi?
Bởi ai thiên-hạ sấu-bi,
Chẳng quan tham-tụng Lê-Hy hãnh-thần?
Tính đi nghĩ lại xa gần,
Nhiều phần vì Trịnh, ít phần vì Lê.
Mỗi giàu sang đã say mê,
Lấy ai chỉ-trụ làm bia trong đời!

7. Những việc cải-cách về thời Trịnh-Cương

Dụ-tông nói giữ ngôi trời,
Trịnh Cương chuyên chế theo loài cố-gia
Lục-phiên lại đặt tư-nha,
Bao nhiêu tài-phú đều là về tay.
Các quan trấn-thủ mới thay,
Hưng Tuyên thông-hạt từ rầy chia hai.
Vũ-thần mỗi trấn một người,
Để cho vững thế mặt ngoài phiên-ly.
Lấy năm điều khảo trấn-ti,
Cứ trong điển-tối mà suy hay hèn.
Thảm hình đặt viện phủ-tiền,
Sai quan tra kiện thay quyền pháp-ti.
Vũ-khoa mới đặt phép thi,
Hỏi đường thao-lược, thử nghề dao-cung.
Ba trường phúc-thí đã xong,
Đề danh tạo-sĩ bằng rông cũng vinh.
Kén thêm tứ-trần binh đình,
Vệ-quân mới đặt sáu dinh từ rầy.
Công-tư điền-thổ xưa nay,
Sai quân khám-đạc san tay dân cùng
Tuân-hành có sứ khuyến-nông.
Giữ-gìn đê-lộ, xét trong dân-tình.
Đem thư biện với nhà Thanh,
Mỏ đồng, mỏ kẽm lại giành về ta.
Lập bia trên Đổ-chú-hà,
Giới-cương tự đó mới là phân-minh.
Qui-mô cũng muốn sức bình,
Mà lòng lãng-tiêm tự mình ra chi?
Lập phủ-đường ở Cổ-bi,
Toan đem kinh-quốc dời về cố-hương
Đông-cung đã lập Duy-Tường,
Bỗng không lại đổi Duy-Phường có sao?

xvii. Nhà Lê suy vi (Trịnh-Nguyễn phân tranh: 1729 - 1782)

1. Chính-sách đôi-bại của Trịnh-Giang

Trịnh-Giang quen lối gian-hào.
Truất ngôi Vĩnh-Khánh hãm vào tội-nhân.
Thuần-Tông đặt bỏ mấy lần,
Phúc-uy mặc sức cường-thần mới ghê.
Ý-tông còn tuổi hài-đề
Danh tuy chính-thống , quyền về phó-vương.
Trịnh càng dâm ngược kiêu-hoang,
Đêm ngày luống những tham đường vui chơi.
Dấu xe giông-ruổi quanh trời,
Sửa-sang cảnh Phật, vẽ-vời động tiên.
Quỳnh-lâm, Hương-hải, Hồ-thiên ,
Cửa thiên-hạ chắt cửa thiên biết bao?
Kho-tàng ngày một tiêu-hao ,
Bán khoa, mua tước tiền vào sáu cung
Phó vương còn chứa cam lòng,
Thượng-vương lại giả sắc rồng nhà Thanh.
Tội trời kể đã quánh-doanh ,
Sao cho nghiệp báo đến mình mới thôi.
Bổn đâu một tiếng thiên-lôi ,
Thất-kinh ngư-ngác như người chứng diên.
Ở hang lại gọi cung tiên,
Để đoàn nội-thụ chuyên quyền lộng uy .

2. Sự loạn-lạc ở Bắc-hà

Lòng người đâu chẳng bạn-ly ,
Ếch kêu, ác hạp thiếu gì gần xa!
Sơn-nam có giặc Ngâm-già,
Nguyễn-Cừ, Nguyễn-Tuyển ấy là giặc Đông.
Sơn tây: nghịch Tê, nghịch Bông ;
Động ngoài ba mặt, nhện trong bốn bề.
Năm hang Trịnh có biết gì!
Quận Bào, quận Thực đua bì tranh công.

3. Trịnh-Doanh và Lê-Hiến-tông

Phó-vương quen lối nhà dòng,
Chẳng phò Trịnh-thị sao xong việc đời?
Nguyễn-công Quý-Cảnh mấy người,
Vào trong định sách ra ngoài diệu binh .
Cùng nhau phù-lập Trịnh Doanh,

Thái-vương Trịnh lại tôn anh làm vì.
 Sai quan kinh-lược bốn bề ,
 Khải-ca mấy khúc đều về tấu-công .
 Cơ-mưu Trịnh cũng gian-hùng,
 Nghĩ mình chuyên-tiêm ắt lòng ai ưa.
 Có Lê mới có đến giờ,
 Phải cầu hiền-đức để nhờ phúc-chung .
 Kia người mắt phượng râu rồng,
 Duy-Diêu vốn cũng là dòng thần-minh .
 Hạ-đài khuất bóng tiên-tinh ,
 Khuôn thiêng còn để một cảnh phúc-chi .
 Hay đâu cầu ứng cũng kỳ,
 Bổng xui Trịnh-chúa tạm đi ra ngoài.
 Vũ-công một giấc hiên-mai,
 Mơ-màng dường thấy phong tài đế-vương .
 Tinh-kỳ nhã-nhạc lạ nhường,
 Thái-bình nghi-vệ rõ-ràng chẳng ngoa.
 Sáng mai vừa mới tỉnh ra,
 Duy-Diêu xây đến chơi nhà lạ sao?
 Thấy người mà nghiệm chiêm-bao,
 Mới hay trăm-triệu ứng vào tự-nhiên.
 Nghe lời Trịnh mới phù lên,
 Hiên-tông từ ấy chịu truyền nói ngôi.

4. Trịnh-Doanh và Trịnh-Sâm dẹp loạn

Vận Lê đến lúc suy đời,
 Chắp tay rủ áo lặng ngời mặc ai.
 Gặp khi nhiều việc chông-gai,
 Loạn trong Ba-phủ, giặc ngoài bốn phương
 Văn-thần có kẻ phán-dương ,
 Phạm-công Đình-Trọng gồm đường lược-thao .
 Phao-sơn trở ngọn cờ đào,
 Nguyễn-Cừ đã phá, Nguyễn-Cầu cũng tan.
 Nguyễn-Phương cứ Độc-tôn-sơn ,
 Tuyên, Hưng là đất, lâm-man là nhà.
 Trịnh-vương quyết-chí xông-pha,
 Huyệt-sào quét sạch, binh xa mới về.
 Quyền-gian kế-tập quen nề ,
 Trịnh-Sâm lại cũng sinh nghề vũ-công.
 Mạnh-thiên hang thăm núi cùng,
 Hãy còn Hoàng-Chất lâm-tùng ẩn thân.
 Sai Đoàn Nguyễn-Thục đem quân,
 Cùng rừng săn thú một lần mới thanh .
 Lại toan dẹp cõi Trấn-ninh,
 Chín e địa thế, dân tình chưa quen.

Địa đồ ai khéo vẽ nên,
Thu ngoài man-cảnh về bên khuyết-đình .
Gần xa đã tỏ tình-hình,
Mới sai chư-tướng đề binh đánh liền,
Chiêng-quang thành-lũy vững bền.
Bồ-chông núi cả cũng nên hiểm trời.
Biển dâu trừu-dịch lạ đời!
Nửa đêm mở lũy cho người tiến sang.
Bởi mưu Ngũ-Phúc chiêu hàng
Nguyễn-Thiều trong lại đem đảng nội-công .
Vây nên Duy-Mật thế cùng,
Hỏa-viêm một phút cô-dung cũng liều.

5. Trịnh-Sâm đánh chúa Nguyễn

Cậy công Trịnh mới thêm kiêu,
Càng đầy đức-sắc , càng nhiều ác-cai ,
Vu-oan nữ đặt nên lời,
Để cho thái-tử thiệt tài thông-minh.
Phúc-uy chuyên-tiêm một mình.
Mạo giầy điên-đảo , nghĩa danh còn gì?
Thế mà vạc cả duy-trì ,
Bởi tiên-liệt-thánh Nam-Kỳ Nổi ngôi.
Nền danh-phận, đạo vua tôi,
Gian-hùng mắt vía đứng ngòi sao an.
Bây-giờ có giặc Tây-san,
Ở trong lại có Phúc-Loan lộng-hành .
Thừa cơ Trịnh mới sai binh,
Đưa thư vào trước kẻ tình ngoại-thân .
Rằng: ” Toan trừ đũa lộng-thần ,
Cùng nhau quét sạch bụi trần cõi Tây .”
Lá cờ theo ngọn gió bay,
Thừa hư trực-để vào ngay nhà-Hồ .
Phúc-Loan đem lại hiến-phù ,
Trịnh-binh nhân thế tràng-khu dưới thành.
Đôi bên lập lũy phân-dinh,
Trầm-than mấy trận quan-binh hiểm-nghèo.
Độ quân nó bắc phù-kiều ,
Thúy-hoa phát-phối qua đèo Hải-vân.
Quảng-nam đồn-trú lục-quân ,
Trong Tây ngoài Trịnh, xa gần với ai?
Thuyền rồng vào bến Đông-nai,
Long-hung còn đợi cơ trời có khi.

6. Trịnh-Sâm hồng mưu thoán-đoạt

 Gió thu làn úa cảnh Lê,
 Ác bay chưa biết đỗ về nhà ai.
 Nguy Tây gấm ghé mặc ngoài,
Trịnh-Sâm trong lại sai người cầu-phong.
 Vũ-Trần-Thiệu kẻ là trung,
Mặt tuy ứng-mệnh , nhưng lòng vẫn kiên.
 Động đình xa vượt bè tiên ,
Trên trời dưới nước tấm nguyên sạch trong.
 Biểu-tiên phó ngọn đuốc hồng,
Ngâm cười thề với chén nồng , cho xuôi.
 Làm cho vỡ mặt gian-hồi ,
Mà người chìm nổi trong đời thẹn riêng.

7. Đặng-Thị-Huệ lộng-quyền

 Xoay vắn hay có khuôn thiêng ,
 Càng già cõi ác, càng nghiêng sóng tình.
 Tuyên-phi là gái khuynh-thành ,
 Đem bè ân-ái chuyên vành phúc-uy.
Cướp quyền đích-trưởng dựng bè đồng-mông
 Yêu-cơ khí diễm càng nồng.
 Khiến nên Trịnh-Khải sinh lòng âm-mưu.
 E khi sự thế đảo-đầu ,
 Ước cùng các trấn đều vào giúp công
 Điền-thư có đưa hầu trong,
 Tin lòng nên mới ngỏ cùng Ngô-Nhâm .
 Người sao chẳng chút lương-tâm!
Khoa-danh đã nhục, quan-trâm cũng hoài!
 Lòng riêng tham đắm mùi đời,
 Phụ tình thầy tớ , cãi lời phụ-thân
 Quyết đem sự ấy củ-trần ,
 Làm cho Trịnh-Khải một lần châu-liên.

xviii. Cuối đời nhà Lê (1783 - 1786)

1. Loạn kiêu-binh ở kinh-thành

Sâm già, Cán lại thiếu-niên
Phó cho Hoàng-Bảo giúp nên sao đành?
Tuyên-phi học thói buông mạnh,
Trong dưng dưới mặt nhân-tình đều nghi.
Ồ trong Khải mới thừa ky,
Ngoài quân ba phủ nhân khi lộng-hành
Cùng nhau sáp-huyết hội-minh,
Trống hô chữa dứt, các dinh đã vào.
Cửa thành binh-lửa xông-xao,
Một cơn cỏ nội cá ao còn gì!
Cán vong, Khải lại tiếm-vì,
Phủ-binh từ ấy nhiều bề tuyên-kiêu,
Hung-hăng ngoài phố trong triều,
Phá nhà cướp cửa, đập-dù vào ra.
Đầy đường những tiếng oán-ta,
Văn-thần, võ-tướng đều là bó tay.

2. Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ nhất

Tiến đồn nghe đến giặc Tây,
Tiếm-muru còn rắp đợi ngày xuất-chinh.
Có tên Nguyễn-Chỉnh tài-danh,
Nhân khi tao-loạn đem mình hàng Tây.
Cơ-quan mưu-lược vẽ bày,
Cam lòng nước cũ, mượn tay người ngoài.
Tây-sơn biết tỏ một hai,
Chia quân thủy-bộ quyết bài kéo ra.
Ngọn cờ trở lối sơn-pha,
Hải-vân đồn-trấn, đâu là chẳng tan?
Cánh buồm đề lớp cuồng-lan,
Cát-dinh, Động-hải quân-quan chạy dài.
Ngụy Tây còn sợ mặt ngoài,
Rắp ngăn Trảng-lũy tính bài phân-vương
Khéo đâu Chỉnh lại đưa đường,
Rằng: ” Trong sự thế chi nhường cho ai?
Tướng-công uy nhưc bên trời,
Này cơ phát trúc hấn mười chẳng xa.
Bấy lâu họ Trịnh gian-tà,
Binh kiêu, dân oán ắt là bại vong.

Uy trời ai giám tranh-phong,
Hãy xin thừa thắng ruổi giông cõi ngoài.”
Phải chăng Huệ mới nghe lời,
Lại cho Nguyễn-Chinh, lĩnh bài tiên-phong.
Lá buồm theo ngọn gió đông,
Vượt qua cửa bể vào sông Vị-Hoàng.
Quân-dung, đâu mới lạ nhường!
Mão mao, áo đỏ chật đường kéo ra.

3. Chúa Trịnh-Khải bị bắt

Bụi hồng mờ-mịt kinh-hoa,
Lục-môn, Thúy-ái gần xa tan-tành.
Quyết liều Trịnh mới thân-chinh,
Tây-luông giáp trận quân mình đảo qua
Nài voi toan trở lại nhà,
Cờ Tây-sơn đã mở ra đây thành.
Qua Hạ-lôi rấp lánh mình.
Giữa đường gặp đũa phụ tình bắt ra.

4. Nguyễn-Huệ trả quyền Lê-Hiến-tông

Ngụy Tây vốn kẻ hung-tà,
Còn e người chôn Bắc-hà khó xong.
Phù Lê có biểu mật-phong,
Mặt ngoài trung-nghĩa, trong lòng gian-phi.
Hiến-tông tuổi tác đã suy,
Nghe tin binh-biến biết gì là đâu.
Vừa khi Nguyễn-Huệ vào hầu,
Vấn-an lại kẻ gót đầu đình-ninh.
Rằng: ” Nghe họ Trịnh cường-hoành,
Vây đem quân nghĩa quét thanh bụi-trần.
Chủ-trương mừng thấy đông-quân.
Thái-bình cây cỏ được nhuần hơi mưa.”
Phúc lành chúc chữ cứu-như.
Của tin mấy quyển đồ-thư dâng vào,
Bệ rồng ban chiếu tinh-bao,
Gia phong Nguyễn-Huệ đương trào quốc-công.
Ngọc-Hân vừa trạc đào hồng,
Ép duyên kim-cải kết lòng sài-lang,
Đương cơn đòng bác ngôn ngang,
Thực-hư chưa tỏ, biến-thường ai tin.
Hơi tàn gần trở gót tiên,
Lại vời Nguyễn-Huệ gửi quyền quốc-gia.
Một hai xin trở về nhà,
Bóng đèn, tiếng búa giám là di-duyên.

5. Quân Tây-son rút về Nam

Bảo-thành kinh-lý đã yên,
Ngôi-cao phó lại cháu hiền thừa-gia.
Duy-Kỳ nói giữ nghiệp nhà.
Cải nguyên Chiêu-thống mới là sơ-niên.
Huệ còn lưu ở Long-biên,
Anh là Nguyễn-Nhạc theo miền lại ra.
Rước mời ngày tiếp đôi ba,
Bệ-từ, Nhạc mới lân-la tự-tình
” Đất, dân đâu cũng triều-đình,
Giao lân rồi sẽ cất mình Nam-qui.”
Nửa đêm ám-hiệu cuốn kỳ
Bao nhiêu tài-hóa chuyên về sạch không.
Bỏ Nguyễn-Chính ở Thăng-long.
Cũng toan cất cánh mở lồng với ai.
Về quê Chính mới giả bài,
Rằng vâng mật-chỉ hồi-sai đất nhà.
Mộ quân hương-dống đem ra,
Ngoài là chống giặc, trong là giữ kinh.

6. Triều-đình vua Lê-Chiêu-Thống

Cựu-thần mấy kẻ công-khanh,
Thoái-hưu để việc miếu-đình mặc ai?
Tân-khoa còn có một hai,
Bùi-Dương, Trần-Án cũng người trung-trinh.
Cùng nhau phụng sắc triệu-binh,
Thổ-hào củ-tập vào kinh hộ-tùy.
Phân-vân tranh-lập nhiều bề,
Kẻ phò Trịnh-Lệ, người suy Trịnh-Bồng.
Yến-đô lại cứ tập-phong,
Những mưu phò Trịnh, quên lòng tôn Lê.
Mậu-Xung, Tích-Nhưỡng kẻ chi,
Phùng-Cơ còn biết thị-phi nhẽ thương,
Trách thay Trọng-Tế họ Dương,
Cũng trong khoa-bảng, cùng phường đại-cân
Sao không biết nghĩa quân-thần
Bày mưu phê-lập sắp quân vây thành.
Non sông còn mất triều-đình,
Bạc đen xem thấy nhân-tình mà ghê.

7. Nguyễn-Hữu-Chỉnh chuyên-quyền

Lê-hoàng căm giận nhiều bề,
Mật-thư sai sứ đưa về Nghệ-an.
Chỉnh xưa tuy giả mưu-gian,
Được thư rầy mới nở gan anh-hùng.
Hịch bay đâu cũng nức lòng,
Tứ-thành Tứ-đột quân rờng hơn muôn,
Dã trường thẳng ruổi chinh-an
Nghệ, Thanh quét sạch mấy đoàn kiến ong,
Yến-đô sức yếu thế cùng,
Theo Dương Trọng-Tế qua vùng Bắc-ninh.
Đại-quân tiến đến kinh-thành,
Long-tân ngự-duyệt, đại-đỉnh thưởng-công.
Loan-thư ban trước thêm rờng
Cha phong Bằng-quận, con phong tước hầu.
Trăm quan ngôi thứ ở đầu,
Cánh vẫy sum-họp, phủ-lầu nghênh ngang.

xix. Nhà Nguyễn Tây-Son (1787 - 1802)

1. Quân Tây-son ra Bắc lần thứ hai

Bốn phương lại động khói lang,
Nguy-Tây riêng mặt bá-vương một trời,
Nhạc, Qui-Nhơn; Lữ, Đồng-nai;
Quảng-Nam, Nguyễn-Huệ; trong ngoài chia nhau.
Nhân cơ lại dấy qua-mâu,
Văn-Nhâm vâng lệnh quân-phù kéo ra.
Qua Nghệ-an, đến Thanh-hoa,
Thổ-son giáp trận Trinh-hà áp binh.
Giặc ra đến đất Ninh-bình,
Chinh đem hai vạn tinh-binh quyết-liều.
Một đêm thuyền trái buồm xiêu,
Vì con sơ-suất, đến điều thua công.

2. Lê-Chiêu-Thống chạy dài

Văn-Nhậm kéo đến Thăng-long,
Lê-Hoàng thắng-thốt qua sông Nhị-hà.
Bắc-ninh cũng đất dân nhà.
Bạc thay Cảnh-Thước sao mà bất-nhân!
Nữ nào quên nghĩa cố-quân
Đóng thành không rước, sai quân cướp đường.
Ngự-bào cũng nhuộm màu sương,
Nguyệt-giang, Mực-thị nhiều đường gian-nguy.
Tây-binh thừa-thế cùng-truy,
Cha con Nguyễn-Chỉnh một kỳ trận-vong.
Bắt phu canh giữ bên sông,
Kìa Dương-Đình-Tuấn cũng mong phù-trì.
Chước đâu phản-gián mới kỳ,
Để cho xa-giá chạy về Chí-linh.
Vội-vàng chưa định hành-dinh,
Mà Đình-Tích-Nhường nữ tình đuổi theo!
Giải vây lại có thổ-hào,
Lũ Hoàng-Xuân-Tú cũng đều cần-vương,
Thừa-dư vừa đến Thủy-đường,
Kẻ về tâu-tiếp, người sang đầu-thành.
Bồng đầu thuyền bạt vào Thanh,
Nước non man-mác, quân-tinh ngẩn-ngơ.

3. Nguyễn-Huệ đặt chức Giám quốc ở Bắc-hà

Văn-Nhậm tự ấy lại giờ,
Vỗ-về sĩ-tốt, đợi chờ chúa-công.
Huệ sao tàn-nhẫn cam lòng,
Một gươm nữ quyết chẳng dong tướng-thần.
Mới đòi hào-mục xa gần,
Xem nhân-tình có mười phần thuận khộng?
Nguyễn Huy-Trạc cũng hào-hùng,
Một thang tiết-nghĩa quyết lòng quyên-sinh.
Biết thiên-hạ chẳng thuận-tình,
Lập người giám-quốc đem binh lại về.

4. Quân nhà Thanh sang nước ta

Lê-Hoàng truân-kiến nhiều bề,
Mẹ con cách-trở biết về nơi đâu?
Thái-từ lạc tới Long-châu,
Thỏ-quan dò hỏi tình-đầu thủy-chung.
Cứ lời đạt đến Quảng-đông,
Gặp Tôn Sĩ-Nghị cũng lòng mục-lân,
Một phong biểu tấu chín lần,
Càn-long có ý ân-cần vì Lê.
Đền rồng ban ấn tử-nê,
Dem quân bốn tỉnh trao về một tay.
Nam quan thẳng lối đường may,
Tắt qua trấn Lạng, sang ngay sông Cầu.
Tập-công phá trại Nội-hầu,
Theo đường Kinh-bắc, tới đầu Nhị-giang.
Rượu trâu đâu đã sẵn sàng,
Vua Lê mừng thấy đón đàng khao binh.
Tôn-công quân lệnh tức-thanh,
Tơ hào chẳng phạm, tám thành cũng phu
Qua sông mới bắc cầu phù,
Tây-luông quân đóng, Đông-đô ngự vào.
Quốc-vương sẵn ấn tay trao,
Truy-tùy thưởng kẻ công-lao nhọc nhằn.

5. Triều-đình thời Lê-mạt

Bao nhiêu hào-kiệt xa gần,
Đua nhau đều đến cửa quân đầu-thảm
Xưa sao vắng-vẻ hơi tâm!
Rầy sao hiệp-lực đồng-tâm lắm người!
Viêm-lương mới tỏ thói đời.
Dạ trong đã chán, mặt ngoài cũng khinh.
Song mà ý thế nhà Thanh.
Thờ-ơ với kẻ nước mình mặc ai!
Cơ-muru những chắc lưng người.
Đề cho đất nước trong ngoài mất trông!

6. Quang-Trung đại-phá quân Thanh

Quân Thanh đã được Thăng-long,
Một hai rằng thế là xong việc mình.
Dùng-dăng chẳng chịu tiến binh,
Nhác đường phòng-thủ, mông tình đãi-hoang.
Ngụy Tây nghe biết sơ-phòng,
Giả điều tạ-tội, quyết đường cất quân.
Dặm tràng nào có ai ngăn,
Thừa hư tiến bực đến gần Thăng-long.
Trực-khu đến lũy Nam-đồng,
Quan Thanh dấu mấy anh-hùng mà đang?
Vua Lê khi ấy vội-vàng,
Cùng Tôn-Sĩ-Nghị sang đàng Bắc-kinh.
Qua sông lại sợ truy-binh,
Phù-kiêu chém đứt, quân mình thác oan.

7. Cuộc lưu-vong của Lê-Chiêu-thống

Ngẩn-ngơ đến ải Lạng-sơn,
Theo sau còn có quân-quan mấy người.
Cầm tay Sĩ-Nghị than giải,
Vi mình kiên-bộ nên người luống công,
Nhẽ đâu lại giám bận lòng,
Xin về đất cũ để mong tái-đồ.
Tôn-công cũng có tiên-trù,
Đã dâng một biểu xin cầu viện-binh.
Quê-lâm còn tạm trú mình,
Bồng đầu nghe chiếu nhà Thanh triệu về.
Phụng-sai có sứ hộ-tùy,
Sự đâu lại gặp những bề trở-nan.
Sứ-thần là Phúc-Khang-An,
Đã e xa cách, tại toan dối lừa.
Dần-dà ngày tháng thoi đưa,
Lê-hoàng luống những đợi chờ Yên-kinh.
Tắc-gang khôn tỏ sự tình,
Dễ xem xon Tạo giúp mình hay không?
Từ khi tam-phẩm gia-phong,
Mới hay Thanh-đế cam lòng thế thôi!
Lỡ-làng đến bước xa-xôi,
Nhưng trong đạo chúa nghĩa tôi chẳng dời.
Lê-Hân, Lê-Quýnh mấy người,
Như-Tòng, Ích-Hiểu cũng lời thệ-minh,
Tòng-vong đều kẻ trung-trinh,

Mã-đồng khen cũng có tình tôn quân.
Vua Lê phút lánh cõi trần,
Non sông cách diễn mấy lần xa xa,
Bình Tây nhờ Thánh-triều ta,
Kẻ gần an chốn, người xa tìm về,
Sang Thanh mấy kẻ theo Lê,
Còn ai cũng động lòng quê ngâm-ngùi.
Vận Lê đến thế là thôi,
Ba trăm sáu chục năm rồi còn chi?

8. Tổng kết

Mới hay có thịnh, có suy,
Hang sâu, núi cả có khi đổi dời.
Trước sau tính lại trăm đời,
Có trời, có đất, có người chủ-trương.
Khai-tiên là họ Hồng-Bàng,
Thụy thay, Triệu đổi thường thường suy-di,
Rồi ra hợp hợp chia chia,
Trải Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê mấy đời,
Thiếu chi chuyện văn đây voi!
Hiếm điều đặc-thất, hiếm người thị-phi!
Lại còn nhiều việc tín-nghi,
Sự muôn năm cũ chép ghi rành-rành.
Bút son vâng mệnh đan-đình,
Gác lê lần giờ sử xanh muôn đời.
Chuyện xưa theo sách diễn lời,
Phải chăng xin đã gương Trời rạng soi.

-----Hết-----

Đại Nam Quốc Sử diễn ca **Lê Ngô Cát & Phạm Đình Toái**

Nguồn: <http://www.thanhvinh.net/quantrou/?p=574>